

NAM A BANK – HỘI SỞ

201-203 Cách Mạng Tháng Tám, Phường Bàn Cờ, TP.HCM

[T] 028 3929 6699 - [F] 028 3929 6688

[Hotline] 1900 6679 - [W] www.namabank.com.vn

DỰ THẢO

Số: /2026/TTQT-NHNA

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2026

TỜ TRÌNH
SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ NGÂN HÀNG TMCP NAM Á**Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG BẮT THƯỜNG NĂM 2026**

- Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 18/01/2024 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành (Luật Các tổ chức tín dụng);
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành (Luật Doanh nghiệp);
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành (Luật Chứng khoán);
- Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành (Nghị định 155/2020/NĐ-CP);
- Căn cứ Nghị định 135/2025/NĐ-CP ngày 12/06/2025 về chế độ tài chính đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả đầu tư vốn nhà nước tại tổ chức tín dụng do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và tổ chức tín dụng có vốn nhà nước và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành (Nghị định 135/2025/NĐ-CP);
- Căn cứ Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán (Thông tư 116/2020/TT-BTC);
- Căn cứ Điều lệ của Ngân hàng TMCP Nam Á.

Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Nam Á (Nam A Bank) kính trình Đại hội đồng cổ đông về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Nam A Bank với các nội dung chính như sau:

Stt	Điều/khoản sửa đổi, bổ sung	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung Điều lệ sửa đổi, bổ sung	Căn cứ, lý do sửa đổi, bổ sung
1	Điểm a khoản 1 Điều 1. Giải thích thuật ngữ	a. “Địa bàn kinh doanh” là phạm vi địa lý được ghi trong giấy phép của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam mà tại đó Nam A Bank được thiết lập địa điểm	a. “Địa bàn kinh doanh” là phạm vi địa lý mà tại đó Nam A Bank được thiết lập mạng lưới hoạt động theo quy định của pháp luật.	Điều chỉnh để phù hợp với thực tế hiện nay.

Stt	Điều/khoản sửa đổi, bổ sung	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung Điều lệ sửa đổi, bổ sung	Căn cứ, lý do sửa đổi, bổ sung
		hoạt động theo quy định của pháp luật.		
2	Điểm d khoản 1 Điều 1. Giải thích thuật ngữ	d. “Luật Doanh nghiệp” có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020, được sửa đổi bổ sung bởi Luật số 03/2022/QH15 ngày 11/01/2022 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế trong từng thời kỳ.	d. “Luật Doanh nghiệp” có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế trong từng thời kỳ.	Điều chỉnh lại định nghĩa để bao quát các văn bản sửa đổi, bổ sung phát sinh trong từng thời kỳ.
3	Điểm v khoản 2 Điều 26. Quyền hạn và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông	v. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán độc lập; bãi miễn kiểm toán viên độc lập khi xét thấy cần thiết.	v. Quyết định lựa chọn tổ chức kiểm toán độc lập theo quy định pháp luật.	Điều chỉnh phù hợp với điểm t khoản 3 Điều 67 Luật Các tổ chức tín dụng.
4	Khoản 3 Điều 28. Ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông	Điều 28. Ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông 3. Trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại, nếu Nam A Bank không nhận được thông báo về một trong các sự kiện dưới đây, thì việc tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và/hoặc Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi:	Điều 28. Ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông 3. Trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại, nếu Nam A Bank không nhận được thông báo về một trong các sự kiện dưới đây, thì việc tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và/hoặc Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi:	Thay đổi nội dung thông tin cổ đông cần cung cấp phù hợp theo thực tế do pháp luật quy định.

Stt	Điều/khoản sửa đổi, bổ sung	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung Điều lệ sửa đổi, bổ sung	Căn cứ, lý do sửa đổi, bổ sung
		<p>a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;</p> <p>b. <u>Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;</u></p> <p>c. <u>Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.</u></p>	<p>a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;</p> <p>b. <u>Người ủy quyền sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc chấm dứt việc ủy quyền trước đó.</u></p>	
5	<p>Khoản 3 Điều 30. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, Chương trình họp và Thông báo</p>	<p>3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 22 Điều lệ này có quyền kiến nghị các vấn đề cần đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Nam A Bank chậm nhất 03 (ba) ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ <u>tên cổ đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức;</u> số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.</p>	<p>3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 22 Điều lệ này có quyền kiến nghị các vấn đề cần đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Nam A Bank chậm nhất 03 (ba) ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ <u>họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức;</u> số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.</p>	<p>Thay đổi nội dung thông tin cổ đông cần cung cấp phù hợp theo thực tế do pháp luật quy định.</p>

Stt	Điều/khoản sửa đổi, bổ sung	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung Điều lệ sửa đổi, bổ sung	Căn cứ, lý do sửa đổi, bổ sung
6	Khoản 2 Điều Điều 45. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường	2. Nam A Bank bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Nam A Bank là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc đại diện được Nam A Bank ủy quyền đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của Nam A Bank, hành động trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Nam A Bank trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình.	2. Nam A Bank bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Nam A Bank là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc đại diện được Nam A Bank ủy quyền đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của Nam A Bank, hành động trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Nam A Bank trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình. <u>Trường hợp do nguyên nhân chủ quan thì người gây ra tổn thất phải bồi thường thiệt hại, việc xử lý trách nhiệm và bồi thường thiệt hại của người gây ra tổn thất thực hiện theo quy định của pháp luật. Hội đồng quản trị</u>	Bổ sung để phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 9 Nghị định 135/2025/NĐ-CP.

Stt	Điều/khoản sửa đổi, bổ sung	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung Điều lệ sửa đổi, bổ sung	Căn cứ, lý do sửa đổi, bổ sung
			<u>có thẩm quyền quyết định mức bồi thường thiệt hại đối với người gây ra tổn thất.</u>	
7	Khoản 4 Điều 47. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị	4. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, kỷ luật, đình chỉ và quyết định mức lương, thưởng, lợi ích khác đối với Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc và người điều hành khác thuộc thẩm quyền theo quy định nội bộ của Hội đồng quản trị;	4. <u>Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị</u> ; bổ nhiệm, miễn nhiệm, kỷ luật, đình chỉ và quyết định mức lương, thưởng, lợi ích khác đối với Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc và người điều hành khác thuộc thẩm quyền theo quy định nội bộ của Hội đồng quản trị;	Bổ sung làm rõ nhiệm vụ quyền hạn của Hội đồng quản trị theo quy định tại điểm i khoản 2 Điều 153 Luật Doanh nghiệp.
8	Khoản 23 Điều 47. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị	23. Quyết định lựa chọn tổ chức kiểm toán độc lập kiểm toán Nam A Bank và báo cáo kết quả thực hiện cho Đại hội đồng cổ đông;	23. Trình Đại hội đồng cổ đông quyết định lựa chọn tổ chức kiểm toán độc lập kiểm toán Nam A Bank;	Điều chỉnh làm rõ nhiệm vụ quyền hạn của Hội đồng quản trị.
9	Khoản 28 Điều 47. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị	28. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là về việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Tổng giám đốc và người điều hành khác trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính năm của Nam A Bank bị coi là không có giá trị và chưa được	28. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định pháp luật;	Điều chỉnh để phù hợp với khoản 3 Điều 27 Điều lệ mẫu áp dụng đối với Công ty đại chúng ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC.

Stt	Điều/khoản sửa đổi, bổ sung	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung Điều lệ sửa đổi, bổ sung	Căn cứ, lý do sửa đổi, bổ sung
		Hội đồng quản trị thông qua;		
10	Khoản 29 Điều 47. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị	29. Quyền hạn và nhiệm vụ khác theo quy định pháp luật.	29. <u>Thực hiện các quyền hạn và nhiệm vụ với tư cách là chủ sở hữu của công ty con của Nam A Bank (bao gồm cả ngân hàng thương mại trách nhiệm hữu hạn một thành viên 100% vốn của Nam A Bank được thành lập tại Trung tâm tài chính quốc tế tại Việt Nam) trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật.</u> 30. Quyền hạn và nhiệm vụ khác theo quy định pháp luật.	Bổ sung thêm nội dung để làm rõ quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị.
11	Điểm j khoản 1 Điều 48. Quyền hạn, nhiệm vụ của Chủ tịch và thành viên Hội đồng quản trị	j. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì ủy quyền bằng văn bản cho <u>một thành viên khác</u> để thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ Nam A Bank. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp	j. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì ủy quyền bằng văn bản cho <u>một thành viên Hội đồng quản trị khác</u> để thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ Nam A Bank. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang	Điều chỉnh để làm rõ đối tượng được nhận ủy quyền theo khoản 10 Điều 71 Luật Các tổ chức tín dụng.

Stt	Điều/khoản sửa đổi, bổ sung	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung Điều lệ sửa đổi, bổ sung	Căn cứ, lý do sửa đổi, bổ sung
		hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị;	chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị;	
12	Điểm d khoản 2 Điều 48. Quyền hạn, nhiệm vụ của Chủ tịch và thành viên Hội đồng quản trị	d. Bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị;	d. <u>Tham gia</u> bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị <u>và các chức danh quản lý khác thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;</u>	Điều chỉnh làm rõ nhiệm vụ quyền hạn của thành viên Hội đồng quản trị.
13	Điểm j khoản 2 Điều 48. Quyền hạn, nhiệm vụ của Chủ tịch và thành viên Hội đồng quản trị	j. Quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Nam A Bank.	j. <u>Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Nam A Bank theo quy định của pháp luật.</u> k. <u>Từng thành viên độc lập Hội đồng quản trị của Nam A Bank phải lập báo cáo đánh giá về</u>	Bổ sung thêm về nghĩa vụ công bố thông tin của thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại điểm đ khoản 2 và khoản 3 Điều 277 Nghị định

Stt	Điều/khoản sửa đổi, bổ sung	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung Điều lệ sửa đổi, bổ sung	Căn cứ, lý do sửa đổi, bổ sung
			<p><u>hoạt động của Hội đồng quản trị.</u></p> <p>1. Quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Nam A Bank.</p>	155/2020/NĐ-CP.
14	Khoản 1 Điều 59. Thành phần và nhiệm kỳ của Ban kiểm soát	1. Ban kiểm soát có tối thiểu 05 (năm) thành viên. Các thành viên Ban kiểm soát không phải là người làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Nam A Bank và không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Nam A Bank trong 03 (ba) năm liền trước đó.	1. Ban kiểm soát có tối thiểu 05 (năm) thành viên. Các thành viên Ban kiểm soát không phải là người làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Nam A Bank và không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Nam A Bank trong 03 (ba) năm liền trước đó. <u>Số lượng thành viên của từng nhiệm kỳ do Đại hội đồng cổ đông quyết định.</u>	Bổ sung để phù hợp với thực tế và quy định tại khoản 2 Điều 51 Luật Các tổ chức tín dụng.
15	Khoản 1 Điều 74. Kiểm toán	1. Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn tổ chức kiểm toán độc lập để tiến hành các hoạt động kiểm toán Nam A Bank.	1. Đại hội đồng cổ đông quyết định lựa chọn tổ chức kiểm toán độc lập để tiến hành các hoạt động kiểm toán Nam A Bank.	Điều chỉnh để phù hợp với thực tế thực hiện và các nội dung đã sửa đổi, bổ sung ở trên.
16	Khoản 3, khoản 4, khoản 5 và khoản 6 Điều 85. Hiệu lực	3. Người quản lý, người điều hành và chức danh khác của Nam A Bank được bầu, bổ nhiệm trước ngày 01/07/2024 mà không đáp ứng quy định tại các Điều 41,	Bỏ các khoản này.	Bỏ các nội dung này nhằm đảm bảo tình hình thực tế và quy định pháp luật.

Stt	Điều/khoản sửa đổi, bổ sung	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung Điều lệ sửa đổi, bổ sung	Căn cứ, lý do sửa đổi, bổ sung
		<p>42 và 43 của Luật Các tổ chức tín dụng được tiếp tục đảm nhiệm chức vụ đến hết nhiệm kỳ hoặc đến hết thời hạn được bầu, bổ nhiệm.</p> <p>4. Hội đồng quản trị của Nam A Bank được bầu trước ngày 01/07/2024 mà không đáp ứng quy định tại khoản 1 Điều 46 của Điều lệ này được tiếp tục hoạt động đến hết nhiệm kỳ Hội đồng quản trị.</p> <p>5. Ban kiểm soát của Nam A Bank được bầu trước ngày 01/07/2024 mà không đáp ứng quy định về số lượng tối thiểu quy định tại khoản 1 Điều 59 Điều lệ này được tiếp tục hoạt động cho đến hết nhiệm kỳ của Ban kiểm soát, thành viên Ban kiểm soát, trừ trường hợp Nam A Bank bầu, bổ nhiệm bổ sung, thay thế thành viên Ban kiểm soát.</p> <p>6. Kể từ ngày 01/07/2024, cổ đông, cổ đông và người có liên quan sở hữu cổ phần vượt tỷ lệ sở hữu cổ phần quy định tại Điều 16 của Điều lệ</p>		

Stt	Điều/khoản sửa đổi, bổ sung	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung Điều lệ sửa đổi, bổ sung	Căn cứ, lý do sửa đổi, bổ sung
		<p>này được tiếp tục duy trì cổ phần nhưng không được tăng thêm cổ phần cho đến khi tuân thủ quy định về tỷ lệ sở hữu cổ phần theo quy định, trừ trường hợp nhận cổ tức bằng cổ phiếu.</p>		

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Nam A Bank theo Dự thảo đính kèm, đồng thời giao Hội đồng quản trị thực hiện các thủ tục cần thiết có liên quan để hoàn tất sửa đổi, bổ sung, ban hành Điều lệ Nam A Bank và báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên lần tiếp theo.

Trân trọng kính trình./.

Nơi nhận:

- Cổ đông Nam A Bank;
- HĐQT, BKS;
- Lưu: VPHĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Trần Ngô Phúc Vũ

PHẦN MỞ ĐẦU

Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần Nam Á (Nam A Bank) là ngân hàng thương mại được thực hiện toàn bộ hoạt động ngân hàng và các hoạt động kinh doanh khác có liên quan vì mục tiêu lợi nhuận theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng và các quy định khác của pháp luật. Tổ chức và hoạt động của Nam A Bank được thực hiện theo Điều lệ này, các quy định hiện hành của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các quy định pháp luật hiện hành khác có liên quan.

Điều lệ này do Đại hội đồng cổ đông của Nam A Bank thông qua vào ngày tháng 07 năm 2026.

Mục I. Định nghĩa các thuật ngữ trong Điều lệ**Điều 1. Giải thích thuật ngữ**

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:
 - a. “Địa bàn kinh doanh” là phạm vi địa lý mà tại đó Nam A Bank được thiết lập mạng lưới hoạt động theo quy định của pháp luật;
 - b. “Vốn điều lệ” là tổng mệnh giá cổ phần của Nam A Bank đã bán cho cổ đông và quy định tại Điều 12 Điều lệ này;
 - c. “Cổ tức” là khoản lợi nhuận sau thuế được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền hoặc bằng tài sản khác;
 - d. “Luật Doanh nghiệp” có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế trong từng thời kỳ;
 - e. “Ngày thành lập” có nghĩa là ngày mà Nam A Bank được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ký quyết định cấp Giấy phép thành lập và hoạt động;
 - f. “Cổ đông sáng lập” có nghĩa là người tham gia vào việc thông qua Điều lệ đầu tiên của Ngân hàng;
 - g. “Pháp luật” có nghĩa là tất cả các luật, pháp lệnh, nghị định, quy định, thông tư, quyết định và các văn bản pháp luật khác được các cơ quan Nhà nước Việt Nam ban hành theo từng thời kỳ liên quan đến các hoạt động ngân hàng;
 - h. “Luật Các tổ chức tín dụng” có nghĩa là Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 18/01/2024 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế trong từng thời kỳ;
 - i. “Vốn pháp định” là vốn tối thiểu theo yêu cầu của luật pháp để thành lập Ngân hàng;
 - j. “Cổ đông lớn” của Nam A Bank là cổ đông sở hữu trực tiếp, gián tiếp từ 05% vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của Nam A Bank;
 - k. “Người điều hành” của Nam A Bank bao gồm Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc Chi nhánh và các chức danh tương đương theo quy định của Nam A Bank trong từng thời kỳ;
 - l. “NHNN” có nghĩa là Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

- m. “Cổ phần” là Vốn điều lệ được chia thành các phần bằng nhau;
- n. “Cổ phiếu” là chứng chỉ do Nam A Bank phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của Nam A Bank. Cổ phiếu phải có nội dung chủ yếu theo quy định của khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp;
- o. “Cổ đông” là tổ chức hoặc cá nhân sở hữu một hoặc một số cổ phần của Nam A Bank và đăng ký tên trong sổ đăng ký cổ đông của Nam A Bank với tư cách một người nắm giữ (các) cổ phần;
- p. “Sổ đăng ký cổ đông” là một tài liệu bằng văn bản, tệp dữ liệu điện tử hoặc cả hai. Sổ đăng ký cổ đông phải có các nội dung chủ yếu theo quy định của NHNN;
- q. “Thời hạn hoạt động” có nghĩa là thời gian Nam A Bank được tiến hành các hoạt động kinh doanh theo quy định của pháp luật, kể từ ngày được NHNN cấp Giấy phép thành lập và hoạt động. Nam A Bank có thể được gia hạn thời hạn hoạt động trên cơ sở quyết định của Đại hội đồng cổ đông và phải được NHNN chấp thuận;
- r. “Việt Nam” có nghĩa là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
- s. “Người quản lý” của Nam A Bank bao gồm Chủ tịch, thành viên khác của Hội đồng quản trị; Tổng giám đốc;
- t. “Người có liên quan” là tổ chức, cá nhân có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với tổ chức, cá nhân khác theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng và các quy định pháp luật có liên quan;
- u. “Công ty con” của Nam A Bank là công ty thuộc một trong các trường hợp sau đây:
- i. Nam A Bank hoặc Nam A Bank và người có liên quan của Nam A Bank sở hữu trên 50% vốn điều lệ hoặc trên 50% vốn cổ phần có quyền biểu quyết của công ty đó;
 - ii. Nam A Bank có quyền bổ nhiệm đa số hoặc tất cả thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc (Giám đốc) của công ty đó;
 - iii. Nam A Bank có quyền sửa đổi, bổ sung Điều lệ của công ty con;
 - iv. Nam A Bank hoặc Nam A Bank và người có liên quan của Nam A Bank trực tiếp hoặc gián tiếp kiểm soát việc thông qua nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên của công ty đó.
- v. “Thành viên độc lập của Hội đồng quản trị” là thành viên Hội đồng quản trị đảm bảo các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 41 Luật Các tổ chức tín dụng;
- w. “Vốn tự có” gồm giá trị thực của vốn điều lệ của Nam A Bank, cộng một số quỹ dự trữ, cộng một số tài sản nợ khác, trừ các khoản phải giảm trừ;
- x. “Sở hữu gián tiếp” là việc tổ chức, cá nhân sở hữu vốn điều lệ của Nam A Bank thông qua ủy thác đầu tư hoặc thông qua doanh nghiệp mà tổ chức, cá nhân đó sở hữu trên 50% vốn điều lệ;
- y. “Công ty liên kết” của Nam A Bank là công ty mà Nam A Bank hoặc Nam A Bank và người có liên quan của Nam A Bank sở hữu trên 11% vốn điều lệ hoặc trên 11% số cổ phần có quyền biểu quyết, nhưng không phải là công ty con của Nam A Bank.

2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế.

3. Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

Mục II. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp, ngân hàng 100% vốn ở nước ngoài và thời gian hoạt động của Nam A Bank

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp, ngân hàng 100% vốn ở nước ngoài và thời gian hoạt động của Nam A Bank

Nam A Bank được phép hoạt động theo Giấy phép hoạt động số 0026/NH-GP ngày 22/08/1992, đã được Thống đốc NHNN cấp đổi theo Giấy phép hoạt động số 18/GP-NHNN ngày 13/4/2023; Giấy phép thành lập số 463/GP-UB ngày 01/09/1992 của Ủy Ban Nhân Dân TP. HCM; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0300872315 đăng ký lần đầu ngày 01/9/1992 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. HCM cấp (và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế theo từng thời kỳ).

1. Tên Công ty:

- Tên đầy đủ bằng tiếng Việt : NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN NAM Á
- Tên viết tắt bằng tiếng Việt : NGÂN HÀNG NAM Á
- Tên đầy đủ bằng tiếng Anh : NAM A COMMERCIAL JOINT STOCK BANK
- Tên viết tắt bằng tiếng Anh : NAM A BANK

2. Nam A Bank là Công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3. Trụ sở đăng ký của Nam A Bank là:

- Địa chỉ : 201-203 Cách Mạng Tháng Tám, Phường Bàn Cờ, TP.HCM.
- Điện thoại : (84.28) 3 929 6699
- Fax : (84.28) 3 929 6688
- Email : namabank@namabank.com.vn
- Website : www.namabank.com.vn

4. Người đại diện theo pháp luật của Nam A Bank:

a. Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Nam A Bank. Trường hợp khuyết chức danh Tổng Giám đốc, Chủ tịch Hội đồng quản trị là người đại diện theo pháp luật của Nam A Bank;

b. Người đại diện theo pháp luật của Nam A Bank có toàn quyền đại diện cho Nam A Bank thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Nam A Bank, đại diện cho Nam A Bank với tư cách người yêu cầu giải quyết việc dân sự, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật;

c. Người đại diện theo pháp luật của Nam A Bank phải cư trú tại Việt Nam, trường hợp xuất cảnh khỏi Việt Nam phải ủy quyền bằng văn bản cho người khác là người quản lý hoặc người điều hành của Nam A Bank đang cư trú tại Việt Nam để thực hiện quyền, nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật;

d. Người đại diện theo pháp luật của Nam A Bank được ủy quyền lại cho người khác thực hiện các công việc của người đại diện theo pháp luật theo quy định của pháp luật và quy định nội bộ của Nam A Bank, nếu có;

e. Người đại diện theo pháp luật thực hiện quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Các tổ chức tín dụng và các quy định của pháp luật có liên quan.

5. Nam A Bank có thể thành lập chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp, ngân hàng 100% vốn tại nước ngoài để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Nam A Bank phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

6. Con dấu riêng và tài khoản riêng mở tại NHNN và các ngân hàng trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật.

7. Bảng cân đối tài sản và các quỹ theo quy định của pháp luật.

8. Thời hạn hoạt động của Nam A Bank là 99 (chín mươi chín) năm kể từ ngày thành lập. Nam A Bank có thể được gia hạn thời hạn hoạt động trên cơ sở quyết định của Đại hội đồng cổ đông và được NHNN chấp thuận bằng văn bản.

Mục III. Mục tiêu của Nam A Bank

Điều 3. Mục tiêu của Nam A Bank

1. Lĩnh vực và ngành nghề kinh doanh của Nam A Bank là tất cả các hoạt động của ngân hàng thương mại được quy định trong Giấy phép thành lập và hoạt động, các Quyết định bổ sung được Thống đốc NHNN cấp và các hoạt động khác phù hợp với quy định pháp luật.

2. Mục tiêu của Nam A Bank là xây dựng và phát triển một cách bền vững một ngân hàng thương mại nhằm đạt lợi nhuận, góp phần phát triển kinh tế xã hội đất nước, bảo đảm cổ tức cho cổ đông và cuộc sống của nhân viên Nam A Bank. Cụ thể như sau:

a. Phát triển và đa dạng hóa các sản phẩm dịch vụ ngân hàng thương mại với chất lượng cao theo tiêu chuẩn trong nước và quốc tế để chiếm lĩnh được thị phần trong lĩnh vực tài chính ngân hàng;

b. Phát triển mạng lưới chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp, ngân hàng 100% vốn ở nước ngoài theo đúng các thủ tục và quy định của NHNN và pháp luật;

c. Gia tăng vốn điều lệ phù hợp với quy mô phát triển hoạt động của ngân hàng trên các lĩnh vực trong từng thời kỳ;

d. Tiếp thu và cải tiến không ngừng về công nghệ, từng bước hiện đại hóa cơ sở vật chất, máy móc, thiết bị, quy trình thích ứng với việc truyền tải và nắm bắt thông tin trong quản lý, giao dịch;

e. Đào tạo đội ngũ chuyên gia và nhân viên Nam A Bank tinh thông nghiệp vụ, có tư cách đạo đức, chủ động sáng tạo trong công việc, và ân cần, tập trung phục vụ khách hàng, luôn cầu tiến học tập và phát huy cái mới, cái tốt.

3. Các mục tiêu khác trong quá trình phát triển của Nam A Bank (nếu có) phù hợp với quy định pháp luật hiện hành và nếu bất kỳ mục tiêu nào trong số những mục tiêu này cần được NHNN chấp thuận thì Nam A Bank chỉ có thể thực hiện mục tiêu đó sau khi đã được NHNN có văn bản chấp thuận.

Mục IV. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Nam A Bank

Sau khi được NHNN chấp thuận bằng văn bản hoặc theo quy định của pháp luật, Nam A Bank được thực hiện các hoạt động sau đây:

Điều 4. Hoạt động của Nam A Bank

1. Nhận tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn, tiền gửi tiết kiệm và các loại tiền gửi khác.
2. Phát hành chứng chỉ tiền gửi.
3. Cấp tín dụng dưới các hình thức sau đây:
 - a. Cho vay;
 - b. Chiết khấu, tái chiết khấu;
 - c. Bảo lãnh ngân hàng;
 - d. Phát hành thẻ tín dụng;
 - e. Bao thanh toán trong nước; bao thanh toán quốc tế đối với các ngân hàng được phép thực hiện thanh toán quốc tế;
 - f. Thư tín dụng;
 - g. Hình thức cấp tín dụng khác theo quy định của NHNN.
4. Mở tài khoản thanh toán cho khách hàng.
5. Cung ứng dịch vụ thanh toán.
6. Cung ứng các dịch vụ thanh toán qua tài khoản sau đây:
 - a. Thực hiện dịch vụ thanh toán trong nước bao gồm séc, lệnh chi, ủy nhiệm chi, nhờ thu, ủy nhiệm thu, chuyển tiền, thẻ ngân hàng, dịch vụ thu hộ và chi hộ;
 - b. Thực hiện dịch vụ thanh toán quốc tế; dịch vụ thanh toán khác theo quy định của NHNN.

Điều 5. Vay, gửi tiền, mua, bán giấy tờ có giá

1. Nam A Bank được vay NHNN dưới hình thức tái cấp vốn theo quy định của Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
2. Nam A Bank được mua, bán giấy tờ có giá với NHNN theo quy định của Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
3. Nam A Bank được cho vay, vay, gửi tiền, nhận tiền gửi, mua, bán có kỳ hạn giấy tờ có giá với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo quy định của NHNN.
4. Nam A Bank được vay nước ngoài theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Mở tài khoản

1. Nam A Bank phải mở tài khoản thanh toán tại NHNN và duy trì số tiền dự trữ bắt buộc trên tài khoản này.
2. Nam A Bank được mở tài khoản thanh toán tại tổ chức tín dụng được cung ứng dịch vụ thanh toán qua tài khoản.
3. Nam A Bank được mở tài khoản thanh toán ở nước ngoài theo quy định của pháp luật về ngoại hối.

Điều 7. Tổ chức và tham gia hệ thống thanh toán

1. Nam A Bank được tổ chức thanh toán nội bộ, tham gia hệ thống thanh toán liên ngân hàng quốc gia.
2. Nam A Bank được tham gia hệ thống thanh toán quốc tế khi đáp ứng điều kiện theo quy định của Chính phủ và được NHNN chấp thuận bằng văn bản.

Điều 8. Góp vốn, mua cổ phần

1. Nam A Bank chỉ được dùng vốn điều lệ và quỹ dự trữ để góp vốn, mua cổ phần theo quy định tại các khoản 2, 3, 4 và 8 Điều này.
2. Nam A Bank phải thành lập, mua lại công ty con, công ty liên kết khi thực hiện hoạt động kinh doanh sau đây:
 - a. Bảo lãnh phát hành chứng khoán, môi giới chứng khoán; quản lý, phân phối chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán; quản lý danh mục đầu tư chứng khoán và mua, bán cổ phiếu;
 - b. Cho thuê tài chính;
 - c. Bảo hiểm.
3. Nam A Bank được thành lập, mua lại công ty con, công ty liên kết hoạt động trong lĩnh vực quản lý nợ và khai thác tài sản, kiều hối, vàng, bao thanh toán, phát hành thẻ tín dụng, tín dụng tiêu dùng, dịch vụ trung gian thanh toán, thông tin tín dụng.
4. Nam A Bank được góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp hoạt động trong các lĩnh vực sau đây:
 - a. Bảo hiểm, chứng khoán, kiều hối, vàng, bao thanh toán, phát hành thẻ tín dụng, tín dụng tiêu dùng, dịch vụ trung gian thanh toán, thông tin tín dụng;
 - b. Lĩnh vực khác không quy định tại điểm a khoản này sau khi được NHNN chấp thuận bằng văn bản.
5. Nam A Bank thành lập, mua lại công ty con, công ty liên kết theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này sau khi được NHNN chấp thuận bằng văn bản.
6. Điều kiện, hồ sơ, thủ tục chấp thuận việc thành lập, mua lại công ty con, công ty liên kết và việc góp vốn, mua cổ phần của Nam A Bank; điều kiện tăng vốn tại công ty con, công ty liên kết của Nam A Bank; hoạt động của công ty con, công ty liên kết của Nam A Bank trong lĩnh vực quản lý nợ và khai thác tài sản thực hiện theo quy định của NHNN trong từng thời kỳ.
7. Nam A Bank thành lập công ty con, công ty liên kết theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng và quy định khác của pháp luật có liên quan.
8. Nam A Bank, công ty con của Nam A Bank được mua, nắm giữ cổ phần của tổ chức tín dụng khác với điều kiện và trong giới hạn quy định của NHNN.

Điều 9. Kinh doanh ngoại hối, cung ứng dịch vụ ngoại hối và sản phẩm phái sinh

1. Nam A Bank được kinh doanh, cung ứng cho khách hàng ở trong nước và nước ngoài các dịch vụ, sản phẩm sau đây sau khi được NHNN chấp thuận bằng văn bản:

- a. Ngoại hối;
- b. Phái sinh về lãi suất, ngoại hối, tiền tệ và tài sản tài chính khác.

2. Việc kinh doanh ngoại hối, cung ứng dịch vụ ngoại hối của Nam A Bank cho khách hàng thực hiện theo quy định của pháp luật về ngoại hối.

Điều 10. Nghiệp vụ ủy thác và đại lý, giao đại lý

1. Nam A Bank được quyền ủy thác, nhận ủy thác, đại lý trong hoạt động ngân hàng, giao đại lý thanh toán theo quy định của NHNN.

2. Nam A Bank được thực hiện hoạt động đại lý bảo hiểm theo quy định của pháp luật về kinh doanh bảo hiểm, phù hợp với phạm vi hoạt động đại lý bảo hiểm theo quy định của NHNN.

Điều 11. Các hoạt động kinh doanh khác

1. Nam A Bank được thực hiện các hoạt động kinh doanh khác sau đây theo quy định của NHNN:

a. Dịch vụ quản lý tiền mặt; dịch vụ ngân quỹ cho tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài; dịch vụ bảo quản tài sản, cho thuê tủ, két an toàn;

b. Cung ứng các dịch vụ chuyển tiền, thu hộ, chi hộ và các dịch vụ thanh toán khác không qua tài khoản;

c. Mua, bán tín phiếu NHNN, trái phiếu doanh nghiệp; mua, bán giấy tờ có giá khác, trừ mua, bán giấy tờ có giá quy định tại điểm a khoản 2 Điều này;

d. Dịch vụ môi giới tiền tệ;

e. Kinh doanh vàng;

f. Dịch vụ khác liên quan đến bao thanh toán, thư tín dụng;

g. Tư vấn về hoạt động ngân hàng và hoạt động kinh doanh khác quy định trong Giấy phép.

2. Nam A Bank được thực hiện các hoạt động kinh doanh khác sau đây theo quy định của pháp luật có liên quan:

a. Mua, bán công cụ nợ của Chính phủ, trái phiếu Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương;

b. Phát hành trái phiếu;

c. Lưu ký chứng khoán;

d. Nghiệp vụ ngân hàng giám sát;

e. Đại lý quản lý tài sản bảo đảm cho bên cho vay là tổ chức tài chính quốc tế, tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

3. Nam A Bank không được kinh doanh bất động sản, trừ các trường hợp sau đây:

a. Mua, đầu tư, sở hữu bất động sản để sử dụng làm trụ sở kinh doanh, địa điểm làm việc hoặc cơ sở kho tàng phục vụ trực tiếp cho các hoạt động nghiệp vụ của Nam A Bank;

b. Cho thuê một phần trụ sở kinh doanh thuộc sở hữu của Nam A Bank chưa sử dụng hết;

c. Nắm giữ bất động sản do việc xử lý nợ. Trong thời hạn 05 (năm) năm kể từ ngày quyết định xử lý tài sản bảo đảm là bất động sản, Nam A Bank phải bán, chuyển nhượng hoặc mua lại bất động sản này. Trường hợp mua lại bất động sản phải bảo đảm mục đích sử dụng quy định tại khoản 1 Điều 139 và tỷ lệ đầu tư vào tài sản cố định quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Các tổ chức tín dụng.

4. Nam A Bank được thực hiện các hoạt động kinh doanh khác liên quan đến hoạt động ngân hàng ngoài các hoạt động quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều này theo quy định của NHNN, quy định khác của pháp luật có liên quan.

Mục V. Vốn điều lệ và vốn hoạt động

Điều 12. Vốn điều lệ

1. Vốn điều lệ của Nam A Bank là 20.588.222.820.000 đồng (Hai mươi nghìn năm trăm tám mươi tám tỷ, hai trăm hai mươi hai triệu, tám trăm hai mươi nghìn đồng).

Tổng số vốn điều lệ của Nam A Bank được chia thành 2.058.822.282 (Hai tỷ không trăm năm mươi tám triệu, tám trăm hai mươi hai nghìn, hai trăm tám mươi hai) cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng.

Trong trường hợp Nam A Bank tăng hoặc giảm vốn điều lệ, quy định tại khoản này mặc nhiên được thay đổi theo mức vốn điều lệ mới sau khi Nam A Bank hoàn tất thủ tục tăng hoặc giảm vốn điều lệ và đăng ký tại Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền mà không cần thông qua Đại hội đồng cổ đông để sửa đổi, bổ sung khoản này.

2. Vốn điều lệ được hạch toán bằng đồng Việt Nam (VND).

3. Nam A Bank phải duy trì giá trị thực của vốn điều lệ tối thiểu bằng mức vốn pháp định theo quy định pháp luật.

4. Nam A Bank chỉ được dùng vốn điều lệ và quỹ dự trữ để góp vốn, mua cổ phần theo quy định tại Điều 111 Luật Các tổ chức tín dụng.

5. Vốn điều lệ được sử dụng vào các mục đích:

- a. Mua, đầu tư vào tài sản cố định của Nam A Bank không quá tỷ lệ quy định của NHNN;
- b. Góp vốn, mua cổ phần theo quy định của NHNN;
- c. Thành lập công ty con theo quy định của pháp luật;
- d. Cho vay;
- e. Kinh doanh các dịch vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 13. Thay đổi vốn điều lệ

1. Việc thay đổi vốn điều lệ của Nam A Bank (tăng hoặc giảm) được thực hiện trên cơ sở quyết định của Đại hội đồng cổ đông và phải được NHNN chấp thuận bằng văn bản trước khi thay đổi vốn điều lệ theo đúng quy định pháp luật hiện hành.

2. Vốn điều lệ của Nam A Bank có thể được tăng từ các nguồn sau:

- a. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ, quỹ đầu tư phát triển, thặng dư vốn cổ phần, lợi nhuận lũy kế chưa phân phối và các quỹ khác theo quy định của pháp luật;
- b. Chào bán cổ phiếu ra công chúng, chào bán cổ phiếu riêng lẻ;

- c. Chuyển đổi từ trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông;
 - d. Vốn do chủ sở hữu, thành viên góp vốn cấp thêm, vốn góp thêm của thành viên góp vốn mới;
 - e. Các nguồn khác theo quy định của pháp luật.
3. Trình tự, thủ tục, hồ sơ xin chấp thuận thay đổi vốn điều lệ thực hiện theo quy định của NHNN và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
4. Sau khi thay đổi vốn điều lệ, Nam A Bank phải sửa đổi Điều lệ theo vốn điều lệ mới và gửi Điều lệ đã sửa đổi cho NHNN, đăng ký với cơ quan nhà nước có thẩm quyền về vốn điều lệ mới, đồng thời công bố thông tin theo quy định pháp luật.
5. Hội đồng quản trị Nam A Bank tổ chức thực hiện thẩm định hồ sơ, thủ tục, điều kiện để chấp thuận cho cổ đông góp vốn theo các yêu cầu quy định của NHNN và Điều lệ của Nam A Bank.
6. Mua lại cổ phần làm giảm vốn điều lệ:
- a. Nam A Bank chỉ được mua lại cổ phần của cổ đông nếu sau khi thanh toán hết số cổ phần được mua lại mà vẫn bảo đảm các tỷ lệ an toàn trong hoạt động ngân hàng, giá trị thực của vốn điều lệ không giảm thấp hơn mức vốn pháp định;
 - b. Điều kiện để Nam A Bank được mua lại cổ phần:
 - i. Các điều kiện theo quy định tại Điều 132, Điều 133 và Điều 134 Luật Doanh nghiệp;
 - ii. Các điều kiện theo quy định tại Điều 36 Luật Chứng khoán năm 2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có);
 - iii. Có đủ nguồn vốn để mua lại cổ phiếu căn cứ vào báo cáo tài chính kỳ gần nhất được kiểm toán. Trường hợp Nam A Bank là công ty mẹ thì Nam A Bank phải đảm bảo đủ nguồn vốn thuộc quyền sở hữu và sử dụng của Nam A Bank trên báo cáo tài chính hợp nhất được kiểm toán.

Điều 14. Vốn hoạt động của Nam A Bank

- 1. Vốn chủ sở hữu:
 - a. Vốn điều lệ;
 - b. Các khoản chênh lệch do đánh giá lại tài sản, chênh lệch tỷ giá;
 - c. Thặng dư vốn cổ phần;
 - d. Các quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ, quỹ dự phòng tài chính, quỹ đầu tư phát triển;
 - e. Lợi nhuận lũy kế chưa phân phối, lỗ lũy kế chưa xử lý;
 - f. Vốn khác thuộc sở hữu của Nam A Bank.
- 2. Vốn huy động:
 - a. Vốn huy động từ nhận tiền gửi và vốn huy động thông qua phát hành chứng chỉ tiền gửi, trái phiếu;
 - b. Vốn nhận ủy thác đầu tư;

- c. Vốn vay các tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính và các tổ chức, cá nhân khác trong nước và ngoài nước;
 - d. Vốn vay NHNN theo quy định của pháp luật.
3. Vốn khác theo quy định của pháp luật.

Mục VI. Cổ phần, cổ phiếu, cổ đông, cổ đông lớn và cổ đông sáng lập

Điều 15. Cổ phần, Cổ đông

1. Mệnh giá mỗi cổ phần của Nam A Bank là 10.000 đồng (mười nghìn Việt Nam đồng).
2. Nam A Bank có ít nhất 100 cổ đông và không hạn chế số lượng tối đa. Tổ chức, cá nhân nước ngoài được mua cổ phần của Nam A Bank theo quy định của pháp luật hiện hành.
3. Các loại cổ phần, cổ đông:
 - a. Cổ phần của ngân hàng vào ngày thông qua Điều lệ này là cổ phần phổ thông. Người sở hữu cổ phần phổ thông gọi là cổ đông phổ thông. Cổ phần phổ thông không thể chuyển thành cổ phần ưu đãi;
 - b. Ngân hàng có thể phát hành cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với quy định của pháp luật.
4. Cổ phần của Nam A Bank có thể được mua bằng tiền Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng, giá trị quyền sử dụng đất và các tài sản khác được quy định tại Điều lệ của Nam A Bank và theo các quy định của pháp luật.
5. Trường hợp góp vốn bằng giá trị quyền sử dụng đất và các tài sản khác không phải là tiền Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng thì phải là những tài sản cần thiết phục vụ trực tiếp cho hoạt động của Nam A Bank và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Việc định giá và chuyển quyền sử dụng đất và quyền sở hữu các tài sản này được thực hiện theo quy định tại Điều 35, Điều 36 Luật Doanh nghiệp và các quy định của pháp luật có liên quan.
6. Hội đồng quản trị quyết định thời điểm, phương thức và giá chào bán cổ phần trong số cổ phần được quyền chào bán. Giá chào bán cổ phần không được thấp hơn giá thị trường tại thời điểm chào bán hoặc giá trị được ghi trong sổ sách của cổ phần tại thời điểm gần nhất, trừ những trường hợp sau đây:
 - a. Cổ phần chào bán cho tất cả cổ đông theo tỷ lệ cổ phần hiện có của họ ở Nam A Bank;
 - b. Cổ phần chào bán cho người môi giới hoặc người bảo lãnh. Trong trường hợp này, số chiết khấu hoặc tỷ lệ chiết khấu cụ thể phải được sự chấp thuận của số cổ đông đại diện cho ít nhất 65% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết;
 - c. Các trường hợp khác với mức chiết khấu do Hội đồng quản trị quyết định.
7. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Nam A Bank, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Nam A Bank quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông và người khác với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác hoặc pháp luật về chứng khoán có quy định khác.

8. Cổ phần được xem là đã bán khi được thanh toán đủ và những thông tin về người mua quy định tại khoản 2 Điều 122 Luật Doanh nghiệp được ghi đầy đủ vào sổ đăng ký cổ đông; kể từ thời điểm đó, người mua cổ phần trở thành cổ đông của Nam A Bank.

9. Sau khi cổ phần được thanh toán đầy đủ, Nam A Bank phát hành và giao cổ phiếu cho người mua; trường hợp không giao cổ phiếu, các thông tin về cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 122 Luật Doanh nghiệp được ghi vào sổ đăng ký cổ đông để chứng thực quyền sở hữu cổ phần của cổ đông đó trong Nam A Bank.

10. Ngân hàng có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 16. Giới hạn sở hữu cổ phần

1. Một cổ đông là cá nhân không được sở hữu cổ phần vượt quá 05% vốn điều lệ của Nam A Bank.

2. Một cổ đông là tổ chức không được sở hữu cổ phần vượt quá 10% vốn điều lệ của Nam A Bank.

3. Cổ đông và người có liên quan của cổ đông đó không được sở hữu cổ phần vượt quá 15% vốn điều lệ của Nam A Bank. Cổ đông lớn của Nam A Bank và người có liên quan của cổ đông đó không được sở hữu cổ phần từ 05% vốn điều lệ trở lên của một tổ chức tín dụng khác.

4. Quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này không áp dụng đối với các trường hợp sau đây:

a. Sở hữu cổ phần tại công ty con, công ty liên kết là tổ chức tín dụng quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 111 Luật Các tổ chức tín dụng;

b. Sở hữu cổ phần nhà nước tại tổ chức tín dụng cổ phần hóa;

c. Sở hữu cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài quy định tại khoản 7 Điều 63 Luật Các tổ chức tín dụng.

5. Tỷ lệ sở hữu cổ phần quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này bao gồm cả số cổ phần sở hữu gián tiếp. Tỷ lệ sở hữu cổ phần quy định tại khoản 3 Điều này bao gồm cả cổ phần do cổ đông ủy thác cho tổ chức, cá nhân khác mua cổ phần và không bao gồm sở hữu cổ phần của người có liên quan là công ty con của cổ đông đó theo quy định tại điểm a khoản 9 Điều 4 Luật Các tổ chức tín dụng.

Điều 17. Cổ phiếu

1. Cổ đông của Nam A Bank được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.

2. Chứng nhận cổ phiếu phải có dấu của Nam A Bank và chữ ký của đại diện theo pháp luật của Nam A Bank theo các quy định tại Luật Doanh nghiệp. Chứng nhận cổ phiếu phải ghi rõ số lượng và loại cổ phiếu mà cổ đông nắm giữ, họ và tên người nắm giữ và các thông tin khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Cụ thể:

a. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của Nam A Bank;

b. Số lượng cổ phần và loại cổ phần;

c. Mệnh giá mỗi cổ phần và tổng mệnh giá số cổ phần ghi trên cổ phiếu;

d. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức;

e. Chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Nam A Bank;

f. Số đăng ký tại Sở đăng ký cổ đông và ngày phát hành cổ phiếu;

g. Nội dung khác theo quy định tại các Điều 116, 117 và 118 Luật Doanh nghiệp đối với cổ phiếu của cổ phần ưu đãi.

3. Mỗi cổ phiếu được cấp phát không được ghi nhận nhiều loại cổ phần.

4. Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Nam A Bank hoặc trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Nam A Bank, người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Nam A Bank chi phí in chứng nhận cổ phiếu.

Các cổ phần do thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát và các Cổ đông lớn, Cổ đông sáng lập và cổ đông nước ngoài sở hữu phải được đăng ký theo quy định.

5. Trường hợp chỉ chuyển nhượng một số cổ phần đã đăng ký trong một cổ phiếu, cổ phiếu cũ sẽ bị hủy bỏ và một cổ phiếu mới ghi nhận số cổ phần còn lại sẽ được cấp miễn phí.

6. Nam A Bank có thể quản lý hệ cổ phiếu cho cổ đông hoặc cấp cổ phiếu theo yêu cầu của cổ đông. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị cháy hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác, cổ đông phải báo ngay và đề nghị Nam A Bank cấp lại cổ phiếu khác và phải trả phí theo quy định của Nam A Bank.

7. Cổ phiếu của Nam A Bank không được dùng để cầm cố tại chính Nam A Bank.

8. Trường hợp cổ phiếu được phát hành dưới hình thức chứng chỉ, Nam A Bank phải phát hành cổ phiếu cho các cổ đông trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày cổ đông thanh toán đủ số tiền cam kết mua cổ phần khi tăng vốn điều lệ.

9. Trong trường hợp cổ phiếu được đăng ký lưu ký tập trung tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam thì thực hiện theo các Quy chế tại từng thời kỳ của cơ quan này.

Điều 18. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Nam A Bank (trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự) được phát hành có dấu và chữ ký mẫu của đại diện theo pháp luật của Nam A Bank.

Điều 19. Chuyển nhượng Cổ phần

1. Cổ phần của cổ đông nắm giữ cổ phiếu được xem là đã chuyển nhượng khi các thông tin quy định trong Điều 21 Điều lệ này được ghi đầy đủ trong Sổ đăng ký cổ đông.

2. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

3. Việc chuyển nhượng cổ phiếu được thực hiện căn cứ theo các quy định của Luật Các tổ chức tín dụng, Luật Chứng khoán và các quy định hướng dẫn thi hành. Hình thức chuyển nhượng được xác lập bằng văn bản do Hội đồng quản trị quy định cụ thể. Văn bản chuyển nhượng được người chuyển nhượng, người nhận chuyển nhượng hay đại diện được ủy quyền hợp pháp của những người này ký. Cổ phiếu đã được chuyển nhượng khi ghi đúng và đủ những thông tin tại điểm d khoản 1 Điều 21 Điều lệ này vào Sổ đăng ký cổ đông; kể từ thời điểm đó, người nhận chuyển nhượng cổ phần được công nhận là cổ đông của Nam A Bank.

4. Trong trường hợp cổ đông chết thì việc giải quyết quyền lợi, trách nhiệm của cổ đông đó được thực hiện theo quy định của pháp luật về thừa kế.

5. Nam A Bank chấp hành các quy định về niêm yết, phát hành cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán theo quy định của NHNN, quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Điều lệ của Nam A Bank và các quy định pháp luật hiện hành có liên quan.

6. Cổ đông là cá nhân, cổ đông là tổ chức có người đại diện phần vốn góp tại Nam A Bank là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc của Nam A Bank không được chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian đảm nhiệm chức vụ.

7. Trong thời gian đang xử lý hậu quả do trách nhiệm cá nhân theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo quyết định của NHNN, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc không được chuyển nhượng cổ phần, trừ một trong các trường hợp sau đây:

a. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc là đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức bị sáp nhập, hợp nhất, chia, tách, giải thể, phá sản theo quy định của pháp luật;

b. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc bị buộc chuyển nhượng cổ phần theo bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật;

c. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc chuyển nhượng cổ phần cho nhà đầu tư khác nhằm thực hiện phương án phục hồi, phương án chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp, phương án chuyển giao bắt buộc đã được phê duyệt.

8. Trường hợp mua, nhận chuyển nhượng cổ phần dẫn đến trở thành cổ đông lớn của Nam A Bank thì phải được NHNN chấp thuận bằng văn bản trước khi thực hiện.

9. Nam A Bank được chuyển nhượng cổ phần cho nhà đầu tư nước ngoài.

Điều kiện, thủ tục, tổng mức sở hữu cổ phần tối đa của các nhà đầu tư nước ngoài, tỷ lệ sở hữu cổ phần tối đa của một nhà đầu tư nước ngoài tại Nam A Bank; điều kiện đối với Nam A Bank bán cổ phần cho nhà đầu tư nước ngoài được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Mục VII. Cơ cấu tổ chức quản lý

Điều 20. Cơ cấu tổ chức quản lý

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Nam A Bank bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông.
2. Hội đồng quản trị.
3. Ban kiểm soát.
4. Tổng giám đốc.

Mục VIII. Cổ đông và Đại hội đồng cổ đông

Điều 21. Sổ đăng ký cổ đông

1. Nam A Bank lập và lưu giữ Sổ đăng ký cổ đông từ khi được cấp Giấy phép thành lập và hoạt động. Sổ đăng ký cổ đông có thể là văn bản giấy, tập dữ liệu điện tử ghi nhận thông tin về sở hữu cổ phần của các cổ đông Nam A Bank. Sổ đăng ký cổ đông có các nội dung chủ yếu sau:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở của Nam A Bank;
 - b. Tổng số cổ phần được quyền chào bán, loại cổ phần được quyền chào bán và số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
 - c. Tổng số cổ phần đã bán của từng loại và giá trị vốn cổ phần đã góp;
 - d. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức;
 - e. Số lượng cổ phần từng loại của mỗi cổ đông, ngày đăng ký cổ phần.
2. Trong trường hợp cổ phiếu được đăng ký lưu ký tập trung tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam, việc theo dõi và quản lý cổ đông sẽ được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 22. Quyền hạn của Cổ đông

1. Cổ đông là những người chủ sở hữu của Nam A Bank và có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Nam A Bank trong phạm vi số vốn đã góp vào Nam A Bank.

2. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:
- a. Tham dự và phát biểu ý kiến trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền; mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;
 - b. Nhận cổ tức theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Được ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Nam A Bank theo phương án phát hành được Đại hội đồng cổ đông thông qua trên cơ sở phù hợp với quy định pháp luật hiện hành;
 - d. Chuyển nhượng cổ phần, quyền mua cổ phần cho cổ đông khác của Nam A Bank hoặc tổ chức, cá nhân khác theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng và Điều lệ Nam A Bank;
 - e. Xem, tra cứu, trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc của mình trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;
 - f. Xem, tra cứu, trích lục, sao chụp Điều lệ Nam A Bank, sổ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - g. Được chia phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần sở hữu tại Nam A Bank khi Nam A Bank giải thể hoặc phá sản;

h. Ủy quyền bằng văn bản cho người khác thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình; người được ủy quyền không được ứng cử với tư cách của chính mình;

i. Yêu cầu Nam A Bank mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định của Luật Doanh nghiệp;

j. Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Nam A Bank có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;

k. Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Nam A Bank công bố theo quy định của pháp luật;

l. Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

m. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Nam A Bank.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông có thêm các quyền sau:

a. Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Nam A Bank;

b. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp quy định tại khoản 4 Điều này;

c. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Nam A Bank khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Nam A Bank; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

d. Đề cử, ứng cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 5 Điều này.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều này có quyền yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

a. Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao;

b. Các trường hợp khác theo quy định của Điều lệ Nam A Bank.

Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Nam A Bank,

căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông; chữ ký của các cổ đông có liên quan hoặc văn bản yêu cầu triệu tập được lập thành nhiều bản, trong đó mỗi bản phải có chữ ký của tối thiểu một cổ đông có liên quan. Kèm theo yêu cầu triệu tập họp phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của các tài liệu, chứng cứ cung cấp cho cơ quan có thẩm quyền, tổ chức, cá nhân khác khi yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông.

5. Việc đề cử, ứng cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện như sau:

a. Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều này được quyền đề cử, ứng cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử, ứng cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử, ứng cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử, ứng cử;

b. Danh sách ứng cử viên phải được gửi tới Hội đồng quản trị theo thời hạn do Hội đồng quản trị quy định;

c. Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử, ứng cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông.

Điều 23. Nghĩa vụ của Cổ đông

1. Cổ đông có các nghĩa vụ sau:

a. Thanh toán đủ số tiền tương ứng với số cổ phần đã cam kết mua trong thời hạn do Nam A Bank quy định; chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Nam A Bank trong phạm vi vốn cổ phần đã góp vào Nam A Bank;

b. Không được rút vốn cổ phần đã góp ra khỏi Nam A Bank dưới mọi hình thức dẫn đến việc giảm vốn điều lệ của Nam A Bank, trừ trường hợp quy định tại Điều 65 Luật Các tổ chức tín dụng;

c. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp của nguồn vốn góp, mua, nhận chuyển nhượng cổ phần tại Nam A Bank; không sử dụng nguồn vốn do tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cấp tín dụng, nguồn vốn do phát hành trái phiếu doanh nghiệp để mua, nhận chuyển nhượng cổ phần của Nam A Bank; không được góp vốn, mua cổ phần của Nam A Bank dưới tên của cá nhân, pháp nhân khác dưới mọi hình thức, trừ trường hợp ủy thác theo quy định của pháp luật;

d. Tuân thủ Điều lệ và các quy định nội bộ của Nam A Bank;

e. Chấp hành nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;

f. Chịu trách nhiệm khi nhân danh Nam A Bank dưới mọi hình thức để thực hiện hành vi vi phạm pháp luật, tiến hành kinh doanh, giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

g. Bảo mật thông tin được Nam A Bank cung cấp theo quy định của pháp luật và Điều lệ Nam A Bank; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình; không được phát tán, sao, gửi thông tin của Nam A Bank cho tổ chức, cá nhân khác;

h. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:

- i. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- ii. Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
- iii. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- iv. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- v. Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác phù hợp quy định pháp luật và được Hội đồng quản trị thông qua;

Cổ đông có thể ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị làm đại diện cho mình tại Đại hội đồng cổ đông.

- i. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần;
- j. Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Nam A Bank.

2. Cổ đông nhận ủy thác đầu tư cho tổ chức, cá nhân khác phải cung cấp cho Nam A Bank thông tin về chủ sở hữu thực sự của số cổ phần mà mình nhận ủy thác đầu tư trong Nam A Bank. Nam A Bank có quyền đình chỉ quyền cổ đông của các cổ đông nhận ủy thác đầu tư trong trường hợp cổ đông này không cung cấp thông tin hoặc cung cấp thông tin không đầy đủ, không chính xác về chủ sở hữu thực sự các cổ phần.

Điều 24. Đại hội đồng cổ đông thường niên

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Nam A Bank. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm 01 (một) lần và trong thời hạn 04 (bốn) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính, trừ trường hợp gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên theo quy định pháp luật. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Nam A Bank, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Nam A Bank có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Nam A Bank phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Nam A Bank dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Nam A Bank.

Điều 25. Đại hội đồng cổ đông bất thường

1. Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:
 - a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Nam A Bank;
 - b. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;

c. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông theo quy định tại điểm b khoản 3 và khoản 4 Điều 22 Điều lệ Nam A Bank; hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông;

d. Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;

e. Quyết định nội dung theo yêu cầu của NHNN khi xảy ra sự kiện ảnh hưởng đến an toàn hoạt động của Nam A Bank.

2. Hội đồng quản trị phải triệu tập một cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày nhận được một trong các yêu cầu hoặc ngày xảy ra một trong các sự kiện nêu tại khoản 1 Điều này.

3. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều này thì trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

4. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều này thì cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại điểm c khoản 1 Điều này có quyền đại diện Nam A Bank triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định pháp luật.

Điều 26. Quyền hạn và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua:

a. Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Nam A Bank;

b. Báo cáo tài chính hằng năm;

c. Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;

d. Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Nam A Bank, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;

e. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;

f. Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;

g. Vấn đề khác thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.

2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định về các vấn đề sau:

a. Thông qua định hướng phát triển của Nam A Bank;

b. Thông qua Điều lệ Nam A Bank; sửa đổi, bổ sung Điều lệ Nam A Bank;

c. Thông qua quy định về tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

d. Quyết định số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát từng nhiệm kỳ; bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm, bầu bổ sung, thay thế thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát phù hợp với các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng và Điều lệ Nam A Bank;

- e. Quyết định mức thù lao, thưởng và các lợi ích khác đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, trên cơ sở phù hợp với quy định tại Điều 163, Điều 172 Luật Doanh nghiệp; quyết định ngân sách hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - f. Xem xét và xử lý theo thẩm quyền vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Nam A Bank và cổ đông của Nam A Bank;
 - g. Quyết định cơ cấu tổ chức quản lý của Nam A Bank;
 - h. Thông qua phương án thay đổi mức vốn điều lệ; thông qua phương án chào bán cổ phần, bao gồm loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ chào bán;
 - i. Thông qua phương án mua lại cổ phần đã bán;
 - j. Thông qua phương án phát hành trái phiếu chuyển đổi;
 - k. Thông qua phương án khắc phục dự kiến trong trường hợp được can thiệp sớm quy định tại Điều 143 Luật Các tổ chức tín dụng;
 - l. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm; phương án phân phối lợi nhuận sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác của Nam A Bank;
 - m. Thông qua báo cáo của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về việc thực hiện nhiệm vụ quyền hạn được giao;
 - n. Quyết định thành lập hoặc chuyển đổi các hình thức pháp lý hiện diện thương mại ở nước ngoài, công ty con của Nam A Bank;
 - o. Thông qua phương án góp vốn, mua, bán cổ phần, phần vốn góp của Nam A Bank tại doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác mà giá trị góp vốn, giá mua dự kiến hoặc giá trị ghi sổ trong trường hợp bán cổ phần, phần vốn góp có giá trị từ 20% vốn điều lệ trở lên của Nam A Bank ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;
 - p. Thông qua quyết định đầu tư, mua, bán tài sản cố định của Nam A Bank mà mức đầu tư, giá mua dự kiến hoặc nguyên giá trong trường hợp bán tài sản cố định có giá trị từ 20% vốn điều lệ trở lên của Nam A Bank ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;
 - q. Thông qua hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 20% vốn điều lệ trở lên của Nam A Bank ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất giữa Nam A Bank với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, cổ đông lớn của Nam A Bank; người có liên quan của người quản lý, thành viên Ban kiểm soát, cổ đông lớn của Nam A Bank; công ty con, công ty liên kết của Nam A Bank, trừ trường hợp đang thực hiện phương án chuyển giao bắt buộc;
 - r. Quyết định việc chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi hình thức pháp lý, giải thể hoặc yêu cầu Tòa án mở thủ tục phá sản ngân hàng;
 - s. Quyết định thay đổi địa điểm đặt trụ sở chính; thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
 - t. Quyết định giải pháp khắc phục biến động lớn về tài chính của Nam A Bank;
 - u. Phê duyệt quy chế quản trị nội bộ; quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - v. Quyết định lựa chọn tổ chức kiểm toán độc lập theo quy định pháp luật.
3. Cổ đông không có quyền biểu quyết khi có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch tại khoản 2 Điều này hoặc theo quy định khác của pháp luật trong từng thời kỳ.
4. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết thông qua các quyết định về các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp.

Điều 27. Quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên sổ đăng ký cổ đông, sổ đăng ký người sở hữu chứng khoán của Nam A Bank.

Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 (mười) ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông. Nam A Bank phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 (hai mươi) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.

2. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông.

3. Mỗi cổ đông đều có quyền được cung cấp các thông tin liên quan đến mình được ghi trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông.

4. Cổ đông có quyền yêu cầu người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông sửa đổi những thông tin sai lệch hoặc bổ sung những thông tin cần thiết về mình trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 28. Ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại điểm h khoản 1 Điều 23 Điều lệ này.

2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Nam A Bank).

3. Trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại, nếu Nam A Bank không nhận được thông báo về một trong các sự kiện dưới đây, thì việc tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và/hoặc Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi:

a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

b. Người ủy quyền sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc chấm dứt việc ủy quyền trước đó.

Điều 29. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc huỷ bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu

đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu 02 (hai) cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu 1/3 (một phần ba) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày tiếp theo và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền đều được xem là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 31, 32 và 33 Điều lệ này.

4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Nam A Bank không bị thay đổi khi Nam A Bank phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 30. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, Chương trình họp và Thông báo

1. Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông hoặc Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định khác được quy định tại Điều lệ này. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:

- a. Lập danh sách các cổ đông có quyền dự họp và biểu quyết;
- b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp;
- c. Xác định thời gian, địa điểm họp và gửi thông báo mời họp đến các cổ đông có quyền dự họp.

2. Mời họp Đại hội đồng cổ đông:

a. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 (hai mươi một) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Thông báo được gửi bằng phương thức bảo đảm đến địa chỉ liên lạc của cổ đông đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử (website) của Nam A Bank và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Nam A Bank niêm yết hoặc đăng ký giao dịch.

Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Nam A Bank. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ địa chỉ trang thông tin điện tử để các cổ đông có thể tiếp cận.

Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số Nam A Bank; tên, địa chỉ liên lạc của cổ đông, thời gian, địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp.

b. Thông báo mời họp phải được gửi kèm theo các tài liệu sau đây:

- Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp;
- Phiếu biểu quyết;
- Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp;
- Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 22 Điều lệ này có quyền kiến nghị các vấn đề cần đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Nam A Bank chậm nhất 03 (ba) ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

4. Trường hợp người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông từ chối kiến nghị quy định tại khoản 3 Điều này thì chậm nhất là 02 (hai) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông chỉ có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 3 Điều này trong các trường hợp sau đây:

- a. Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;
- b. Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- c. Những vấn đề không phù hợp với quy định tại Điều lệ Nam A Bank và không phù hợp với các quy định của pháp luật;
- d. Vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ ít nhất 05% tổng số cổ phần phổ thông theo quy định tại khoản 3 Điều 22 Điều lệ này.

5. Chỉ Đại hội đồng cổ đông mới có quyền thay đổi chương trình họp đính kèm thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông.

Điều 31. Các điều kiện tiến hành Đại hội đồng cổ đông

Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông:

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông và những người được ủy quyền dự họp đại diện trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai phải được gửi trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông và những người được ủy quyền dự họp đại diện ít nhất 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

3. Trường hợp cuộc họp triệu tập lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 (hai mươi) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp, được xem là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.

Điều 32. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Nam A Bank phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.

2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Nam A Bank cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền có quyền biểu quyết một Phiếu biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được uỷ quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành theo thể lệ biểu quyết của từng cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.

3. Cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền đến dự sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

4. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:

a. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc uỷ quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

b. Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp;

c. Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp và thành viên hỗ trợ chủ tọa;

d. Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.

5. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

6. Chủ tọa đại hội có quyền tiến hành các hoạt động cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

7. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong các trường hợp quy định tại khoản 8 Điều 146 Luật Doanh nghiệp.

8. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:

a. Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;

b. Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

9. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp thích hợp để:

- a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;
- c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội.

Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

10. Trong trường hợp tại Đại hội đồng cổ đông có áp dụng các biện pháp quy định tại khoản 9 Điều này, Hội đồng quản trị khi xác định địa điểm đại hội có thể:

a. Thông báo đại hội được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ tọa đại hội có mặt tại đó (“Địa điểm chính của đại hội”);

b. Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với địa điểm chính của đại hội có thể đồng thời tham dự đại hội.

Thông báo về việc tổ chức đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này.

11. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông được xem là tham gia đại hội ở địa điểm chính của đại hội.

12. Hàng năm Nam A Bank tổ chức Đại hội đồng cổ đông ít nhất 01 (một) lần. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản. Trường hợp Nam A Bank áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Nam A Bank có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 33. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến các vấn đề sau đây phải được thực hiện thông qua hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:

a. Thông qua định hướng phát triển của Nam A Bank;

b. Quyết định số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát từng nhiệm kỳ; bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm, bầu bổ sung, thay thế thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát phù hợp với các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng và Điều lệ Nam A Bank;

c. Xem xét và xử lý theo thẩm quyền vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Nam A Bank và cổ đông của Nam A Bank;

d. Quyết định việc chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi hình thức pháp lý, giải thể hoặc yêu cầu Tòa án mở thủ tục phá sản ngân hàng.

3. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu:

a. Trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản này, quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua khi được số cổ đông đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông (trong trường hợp tổ chức họp trực tiếp) hoặc khi được số cổ đông đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông chấp thuận (trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản).

b. Được số cổ đông đại diện trên 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông (trong trường hợp tổ chức họp trực tiếp) hoặc trên 65% tổng số phiếu biểu quyết tán thành (đối với trường hợp lấy ý kiến bằng văn bản) đối với các vấn đề sau:

i. Thông qua phương án thay đổi mức vốn điều lệ; thông qua phương án chào bán cổ phần, bao gồm loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ chào bán;

ii. Thông qua quyết định đầu tư, mua, bán tài sản cố định của Nam A Bank mà mức đầu tư, giá mua dự kiến hoặc nguyên giá trong trường hợp bán tài sản cố định có giá trị từ 20% vốn điều lệ trở lên của Nam A Bank ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;

iii. Quyết định việc chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi hình thức pháp lý, giải thể hoặc yêu cầu Tòa án mở thủ tục phá sản ngân hàng;

iv. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;

v. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý của Nam A Bank.

4. Việc bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải được thực hiện dưới hình thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.

5. Các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.

Điều 34. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Quyết định của Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Nam A Bank ngoại trừ các trường hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 33 Điều lệ này. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông có thể được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản với điều kiện phải được sự chấp thuận của các cổ đông đáp ứng tỷ lệ theo quy định tại Điều 33 Điều lệ này.

2. Để các quyết định được các cổ đông nhất trí thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản, Hội đồng quản trị có trách nhiệm:

a. Quyết định các vấn đề cần đưa ra xem xét lấy ý kiến của các cổ đông, cách thức và nội dung biểu quyết theo Điều lệ này và pháp luật;

b. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi chậm nhất 10 (mười) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 30 Điều lệ này;

Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu được quy định tại khoản 3 Điều 149 Luật Doanh nghiệp.

c. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức.

3. Phiếu lấy ý kiến có thể được gửi về Nam A Bank theo các hình thức sau:

a. Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến gửi về Nam A Bank phải được đựng trong phong bì dán kín và được bảo mật theo quy định đến thời điểm kiểm phiếu;

b. Gửi fax, thư điện tử hoặc các hình thức điện tử khác: Phiếu lấy ý kiến gửi về Nam A Bank qua fax, thư điện tử hoặc các hình thức điện tử khác phải được bảo mật theo quy định đến thời điểm kiểm phiếu;

c. Gửi bằng các hình thức khác theo hướng dẫn của Nam A Bank.

Các phiếu lấy ý kiến Nam A Bank nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư hoặc được công bố trước thời điểm kiểm phiếu trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được xem là phiếu không tham gia biểu quyết.

4. Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý của Nam A Bank.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

Biên bản kiểm phiếu phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và các nội dung chủ yếu được quy định tại khoản 5 Điều 149 Luật Doanh nghiệp.

5. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản có giá trị như quyết định được Đại hội đồng cổ đông trực tiếp biểu quyết thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong vòng 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Nam A Bank trong vòng 24 (hai mươi tư) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Nam A Bank.

Điều 35. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu theo quy định tại khoản 1 Điều 150 Luật Doanh nghiệp. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Nam A Bank.

Điều 36. Báo cáo kết quả Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc từ ngày kết thúc kiểm phiếu (theo Biên bản kiểm phiếu) đối với trường hợp lấy ý kiến bằng văn bản, Nam A Bank phải gửi đến NHNN tất cả nghị quyết, quyết định được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Điều 37. Hủy bỏ các quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày, kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 22 Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định hiện hành của pháp luật, của NHNN và Điều lệ này trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 33 Điều lệ này.

2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

Mục IX. Điều khoản chung của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc

Điều 38. Quy định chung

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản trị Ngân hàng, có toàn quyền nhân danh Nam A Bank để quyết định các vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Ngân hàng, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Ban kiểm soát là cơ quan giám sát hoạt động Nam A Bank nhằm đánh giá chính xác hoạt động kinh doanh, thực trạng tài chính của Nam A Bank.

3. Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Nam A Bank, chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền và nhiệm vụ phù hợp với quy định hiện hành của pháp luật và Điều lệ của Nam A Bank.

4. Việc bầu, bổ nhiệm, miễn nhiệm Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc của Nam A Bank phải thực hiện theo thủ tục, hồ sơ quy định của pháp luật và quy định của NHNN.

Điều 39. Những trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ

1. Những người sau đây không được là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc của Nam A Bank:

a. Người thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều này;

b. Người thuộc đối tượng không được tham gia quản lý, điều hành doanh nghiệp, hợp tác xã theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức, viên chức và pháp luật về phòng, chống tham nhũng;

c. Người đã từng là chủ doanh nghiệp tư nhân, thành viên hợp danh của công ty hợp danh, Tổng giám đốc (Giám đốc), thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát của doanh nghiệp, thành viên Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc (Giám đốc) hợp tác xã tại thời điểm doanh nghiệp, hợp tác xã đó bị tuyên bố phá sản, trừ trường hợp được cử, chỉ định, bổ nhiệm tham gia quản lý, điều hành, kiểm soát doanh nghiệp, hợp tác xã là tổ chức tín dụng bị tuyên bố phá sản theo yêu cầu nhiệm vụ;

d. Người đã từng bị đình chỉ chức danh Chủ tịch, thành viên khác của Hội đồng quản trị; Chủ tịch, thành viên khác của Hội đồng thành viên; Trưởng ban, thành viên khác của Ban kiểm soát; Tổng giám đốc (Giám đốc) của tổ chức tín dụng theo quy định tại Điều 47 Luật Các tổ chức tín dụng hoặc bị cơ quan có thẩm quyền xác định người đó có vi phạm dẫn đến việc tổ chức tín dụng bị thu hồi Giấy phép;

e. Người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc của Nam A Bank, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 69 Luật Các tổ chức tín dụng;

f. Người phải chịu trách nhiệm theo kết luận thanh tra dẫn đến việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng ở khung phạt tiền cao nhất đối với hành vi vi phạm quy định về giấy phép, quản trị, điều hành, cổ phần, cổ phiếu, góp vốn, mua cổ phần, cấp tín dụng, mua trái phiếu doanh nghiệp, tỷ lệ bảo đảm an toàn theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng.

2. Những người sau đây không được là Kế toán trưởng, Giám đốc chi nhánh, Tổng giám đốc (Giám đốc) công ty con của Nam A Bank:

a. Người chưa thành niên; người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi; người bị hạn chế hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

b. Người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, đang chấp hành hình phạt tù; đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc; đang bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định;

- c. Người đã bị kết án về tội từ tội phạm nghiêm trọng trở lên;
 - d. Người đã bị kết án về tội xâm phạm sở hữu mà chưa được xoá án tích;
 - e. Cán bộ, công chức, viên chức, người quản lý từ cấp phòng trở lên trong doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ từ 50% vốn điều lệ trở lên, trừ người được cử làm đại diện quản lý phần vốn góp của Nhà nước, của doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ từ 50% vốn điều lệ trở lên tại Nam A Bank hoặc được cử, chỉ định, bổ nhiệm tham gia quản lý, điều hành, kiểm soát tổ chức tín dụng theo yêu cầu nhiệm vụ;
 - f. Sĩ quan, hạ sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân, viên chức quốc phòng trong cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân Việt Nam; sĩ quan, hạ sĩ quan chuyên nghiệp, công nhân công an trong cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân Việt Nam, trừ người được cử làm đại diện quản lý phần vốn góp của Nhà nước, của doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ từ 50% vốn điều lệ trở lên tại Nam A Bank.
3. Vợ, chồng, cha, mẹ, con, anh, chị, em của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc Nam A Bank; và vợ, chồng của những người này không được là Kế toán trưởng hoặc là người phụ trách tài chính của Nam A Bank.

Điều 40. Đương nhiên mất tư cách

1. Các trường hợp đương nhiên mất tư cách thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát và Tổng giám đốc:

- a. Thuộc một trong các trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ quy định tại Điều 39 Điều lệ Nam A Bank;
- b. Là người đại diện phần vốn góp của một tổ chức là cổ đông của Nam Bank khi tổ chức đó bị chấm dứt tồn tại;
- c. Không còn là người đại diện phần vốn góp theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức;
- d. Bị trục xuất khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- e. Khi Nam A Bank bị thu hồi Giấy phép;
- f. Khi hợp đồng thuê Tổng giám đốc hết hiệu lực;
- g. Chết.

2. Hội đồng quản trị phải có văn bản báo cáo kèm tài liệu chứng minh về việc nhân sự đương nhiên mất tư cách theo quy định tại các điểm a, b, c, d, f và g khoản 1 Điều này gửi NHNN trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhân sự đương nhiên mất tư cách và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của báo cáo này; thực hiện thủ tục bầu, bổ nhiệm chức danh bị khuyết theo quy định của pháp luật.

3. Sau khi đương nhiên mất tư cách, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc của Nam A Bank vẫn phải chịu trách nhiệm về các quyết định của mình trong thời gian đương nhiệm.

Điều 41. Miễn nhiệm, bãi nhiệm

1. Trừ trường hợp đương nhiên mất tư cách quy định tại Điều 40 Điều lệ Nam A Bank, Chủ tịch, thành viên khác của Hội đồng quản trị; Trưởng ban, thành viên khác của Ban kiểm soát; Tổng giám đốc của Nam A Bank bị miễn nhiệm, bãi nhiệm khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:

- a. Miễn nhiệm khi có đơn xin từ chức gửi Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Nam A Bank;
- b. Bãi nhiệm khi không tham gia hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát trong 06 (sáu) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- c. Bãi nhiệm khi không bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Điều 41 Luật Các tổ chức tín dụng;
- d. Bãi nhiệm khi thành viên độc lập Hội đồng quản trị không đáp ứng quy định tại khoản 2 Điều 41 và khoản 3 Điều 43 Luật Các tổ chức tín dụng;
- e. Khi Đại hội đồng cổ đông của Nam A Bank xét thấy việc bãi nhiệm, miễn nhiệm các chức danh Chủ tịch và thành viên Hội đồng quản trị, Trưởng ban và thành viên Ban kiểm soát là cần thiết;
- f. Khi Hội đồng quản trị của Nam A Bank xét thấy việc bãi nhiệm, miễn nhiệm Tổng giám đốc là cần thiết;
- g. Các trường hợp khác do Nam A Bank quy định.

2. Sau khi bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Chủ tịch, thành viên khác của Hội đồng quản trị; Trưởng ban, thành viên khác của Ban kiểm soát; Tổng giám đốc của Nam A Bank vẫn phải chịu trách nhiệm về các quyết định của mình trong thời gian đương nhiệm.

3. Trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày thông qua quyết định miễn nhiệm, bãi nhiệm đối với các nhân sự theo quy định tại khoản 1 Điều này, Hội đồng quản trị phải có văn bản kèm tài liệu liên quan báo cáo NHNN.

Điều 42. Đình chỉ, tạm đình chỉ việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và người điều hành

1. NHNN có quyền đình chỉ, tạm đình chỉ việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của Chủ tịch, thành viên khác của Hội đồng quản trị; Trưởng ban, thành viên khác của Ban kiểm soát; người điều hành tổ chức tín dụng vi phạm quy định tại Điều 43, khoản 10 Điều 48 Luật Các tổ chức tín dụng hoặc quy định khác của pháp luật có liên quan trong quá trình thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao hoặc không bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Điều 41 Luật Các tổ chức tín dụng; yêu cầu cơ quan có thẩm quyền miễn nhiệm, bãi nhiệm, bầu, bổ nhiệm người thay thế hoặc chỉ định người thay thế nếu xét thấy cần thiết.

2. Ban kiểm soát đặc biệt có quyền đình chỉ, tạm đình chỉ việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của Chủ tịch, thành viên khác của Hội đồng quản trị; Trưởng ban, thành viên khác của Ban kiểm soát; người điều hành được kiểm soát đặc biệt nếu xét thấy cần thiết.

3. Người bị đình chỉ, tạm đình chỉ việc thực hiện quyền, nghĩa vụ theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này phải tham gia xử lý các tồn tại và vi phạm có liên quan đến trách nhiệm cá nhân khi có yêu cầu của NHNN, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát hoặc Ban kiểm soát đặc biệt.

Mục X. Trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác

Điều 43. Trách nhiệm cần trọng

Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các ủy ban, hội đồng, ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cần trọng vì lợi ích của Nam A Bank.

Điều 44. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và Phó Tổng giám đốc phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định tại Điều 49 Luật Các tổ chức tín dụng và các quy định pháp luật khác.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Nam A Bank.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Nam A Bank, công ty con, công ty khác do Nam A Bank nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Nam A Bank phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

4. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Điều 45. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Trách nhiệm: Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác phải có nghĩa vụ chấp hành đúng các quy định pháp luật hiện hành, Điều lệ Nam A Bank và các Quy chế nội bộ của Nam A Bank trong quá trình thực hiện nhiệm vụ của mình và phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm nghĩa vụ của mình gây ra.

2. Nam A Bank bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Nam A Bank là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc đại diện được Nam A Bank ủy quyền đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của Nam A Bank, hành động trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Nam A Bank trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình. Trường hợp do nguyên nhân chủ quan thì người gây ra tổn thất phải bồi thường thiệt hại, việc xử lý trách nhiệm và bồi thường thiệt hại của người gây ra tổn thất thực hiện theo quy định của pháp luật. Hội đồng quản trị có thẩm quyền quyết định mức bồi thường thiệt hại đối với người gây ra tổn thất.

3. Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được xem là mức hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Nam A Bank có thể mua bảo hiểm cho những người quy định tại khoản 2 Điều này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

Mục XI. Hội đồng quản trị

Điều 46. Thành phần và Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị phải có tối thiểu 05 (năm) thành viên và không quá 11 (mười một) thành viên. Số lượng thành viên của từng nhiệm kỳ do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

Hội đồng quản trị phải có tối thiểu 02 (hai) thành viên độc lập, 2/3 (hai phần ba) tổng số thành viên phải là thành viên độc lập và thành viên không phải là người điều hành. Tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải chiếm ít nhất 1/3 (một phần ba) tổng số thành viên Hội đồng quản trị. Số lượng tối thiểu thành viên Hội đồng quản trị không điều hành/độc lập được xác định theo phương thức làm tròn xuống.

Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị không quá 05 (năm) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị theo nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị được bổ sung hoặc thay thế là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Hội đồng quản trị của nhiệm kỳ mới tiếp quản công việc.

Cá nhân và người có liên quan của cá nhân đó hoặc những người đại diện phần vốn góp của một cổ đông là tổ chức và người có liên quan của những người này được tham gia Hội đồng quản trị nhưng không được vượt quá 02 (hai) thành viên Hội đồng quản trị của Nam A Bank, trừ trường hợp là người đại diện phần vốn góp của Nhà nước, bên nhận chuyển giao bắt buộc.

2. Chủ tịch và các thành viên khác trong Hội đồng quản trị không được ủy quyền cho những người không phải là thành viên Hội đồng quản trị thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được đồng thời là người điều hành, thành viên Ban kiểm soát của Nam A Bank và tổ chức tín dụng khác, người quản lý doanh nghiệp khác.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không phải là thành viên độc lập của Nam A Bank không được đồng thời đảm nhiệm một trong các chức vụ sau đây:

a. Người điều hành Nam A Bank, trừ trường hợp là Tổng giám đốc của Nam A Bank;

b. Người quản lý, người điều hành tổ chức tín dụng khác, người quản lý doanh nghiệp khác, trừ trường hợp là người quản lý, người điều hành công ty con của Nam A Bank hoặc trường hợp thực hiện phương án chuyển giao bắt buộc đã được phê duyệt;

c. Kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát của tổ chức tín dụng khác, doanh nghiệp khác.

5. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị của Nam A Bank không được đồng thời đảm nhiệm một trong các chức vụ sau đây:

a. Người điều hành Nam A Bank;

b. Người quản lý, người điều hành tổ chức tín dụng khác; người quản lý trên 02 (hai) doanh nghiệp khác;

c. Kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát của tổ chức tín dụng khác, doanh nghiệp khác.

6. Các cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông đề cử, ứng cử (bao gồm đề cử người khác và tự ứng cử) các ứng cử viên Hội đồng quản trị theo nguyên tắc như sau:

a. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 05% đến dưới 20% tổng số cổ phần phổ thông được đề cử, ứng cử 01 (một) ứng cử viên;

b. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 20% đến dưới 30% tổng số cổ phần phổ thông được đề cử, ứng cử tối đa 02 (hai) ứng cử viên;

c. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 30% đến dưới 40% tổng số cổ phần phổ thông được đề cử, ứng cử tối đa 03 (ba) ứng cử viên;

- d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 40% đến dưới 50% tổng số cổ phần phổ thông được đề cử, ứng cử tối đa 04 (bốn) ứng cử viên;
- e. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 50% đến dưới 60% tổng số cổ phần phổ thông được đề cử, ứng cử tối đa 05 (năm) ứng cử viên;
- f. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 60% đến dưới 70% tổng số cổ phần phổ thông được đề cử, ứng cử tối đa 06 (sáu) ứng cử viên;
- g. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 70% đến dưới 80% tổng số cổ phần phổ thông được đề cử, ứng cử tối đa 07 (bảy) ứng cử viên;
- h. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 80% đến dưới 90% tổng số cổ phần phổ thông được đề cử, ứng cử tối đa 08 (tám) ứng cử viên.

7. Trường hợp số lượng các ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Nam A Bank, Quy chế nội bộ về quản trị Nam A Bank và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

8. Thành viên Hội đồng quản trị có thể không phải là người nắm giữ cổ phần của Nam A Bank.

Điều 47. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị

Hoạt động kinh doanh và các công việc của Nam A Bank phải chịu sự giám sát và chỉ đạo của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Nam A Bank trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông.

Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát Tổng giám đốc và người điều hành khác.

Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do pháp luật, Điều lệ Nam A Bank và quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:

1. Trình Đại hội đồng cổ đông quyết định, thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông quy định tại Điều 26 Điều lệ này.
2. Quyết định việc thành lập chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp của Nam A Bank.
3. Quyết định cơ cấu tổ chức của trụ sở chính, chi nhánh, phòng giao dịch, công ty con, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp, ngân hàng 100% vốn ở nước ngoài của Nam A Bank.
4. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, kỷ luật, đình chỉ và quyết định mức lương, thưởng, lợi ích khác đối với Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc và người điều hành khác thuộc thẩm quyền theo quy định nội bộ của Hội đồng quản trị.
5. Cử người đại diện phần vốn góp của Nam A Bank tại doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác.
6. Thông qua phương án góp vốn, mua, bán cổ phần, phần vốn góp của Nam A Bank tại doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác mà giá trị góp vốn, giá mua dự kiến hoặc giá trị ghi sổ trong trường hợp bán cổ phần, phần vốn góp có giá trị dưới 20% vốn điều lệ của Nam A Bank ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất.

7. Thông qua quyết định đầu tư, mua, bán tài sản cố định của Nam A Bank mà mức đầu tư, giá mua dự kiến hoặc nguyên giá trong trường hợp bán tài sản cố định có giá trị từ 10% vốn điều lệ trở lên của Nam A Bank ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất, trừ khoản đầu tư, mua, bán tài sản cố định thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

8. Quyết định khoản cấp tín dụng theo quy định tại khoản 7 Điều 136 Luật Các tổ chức tín dụng, trừ hợp đồng, giao dịch khác thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

9. Thông qua hợp đồng, giao dịch khác có giá trị dưới 20% vốn điều lệ của Nam A Bank ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất giữa Nam A Bank với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, cổ đông lớn của Nam A Bank; người có liên quan của người quản lý, thành viên Ban kiểm soát, cổ đông lớn của Nam A Bank; công ty con, công ty liên kết của Nam A Bank. Trong trường hợp này, thành viên có liên quan không có quyền biểu quyết.

10. Thông qua hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 10% vốn điều lệ trở lên của Nam A Bank ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất.

11. Kiểm tra, giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc thực hiện nhiệm vụ được phân công; định kỳ hằng năm đánh giá về hiệu quả làm việc của Tổng giám đốc.

12. Ban hành quy định nội bộ liên quan đến tổ chức, quản trị, hoạt động của Nam A Bank phù hợp với quy định của Luật Các tổ chức tín dụng và quy định khác của pháp luật có liên quan, trừ những nội dung thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

13. Quyết định chính sách quản lý rủi ro và giám sát việc thực thi các biện pháp phòng ngừa rủi ro của Nam A Bank.

14. Xem xét, phê duyệt báo cáo thường niên.

15. Quyết định chào bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán.

16. Quyết định giá chào bán cổ phần và trái phiếu chuyển đổi của Nam A Bank.

17. Quyết định mua lại cổ phần của Nam A Bank theo phương án được duyệt.

18. Kiến nghị phương án phân phối lợi nhuận, mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh.

19. Chuẩn bị nội dung, tài liệu liên quan để trình Đại hội đồng cổ đông quyết định, thông qua các nội dung thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông, trừ nội dung thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát.

20. Duyệt chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị, chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông; triệu tập Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

21. Tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát việc thực hiện nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị.

22. Thông báo kịp thời cho NHNN thông tin ảnh hưởng tiêu cực đến tư cách thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc.

23. Trình Đại hội đồng cổ đông quyết định lựa chọn tổ chức kiểm toán độc lập kiểm toán Nam A Bank.

24. Lựa chọn tổ chức định giá chuyên nghiệp để định giá tài sản góp vốn không phải là tiền Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng theo quy định của pháp luật.

25. Trình Thống đốc NHNN chấp thuận hoặc chuẩn y các vấn đề theo quy định của pháp luật.

26. Kiến nghị việc chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi hình thức pháp lý, giải thể hoặc yêu cầu Tòa án mở thủ tục phá sản ngân hàng.

27. Trình báo cáo tài chính hàng năm lên Đại hội đồng cổ đông.

28. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định pháp luật.

29. Thực hiện các quyền hạn và nhiệm vụ với tư cách là chủ sở hữu của công ty con của Nam A Bank (bao gồm cả ngân hàng thương mại trách nhiệm hữu hạn một thành viên 100% vốn của Nam A Bank được thành lập tại Trung tâm tài chính quốc tế tại Việt Nam) trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật.

30. Quyền hạn và nhiệm vụ khác theo quy định pháp luật.

Điều 48. Quyền hạn, nhiệm vụ của Chủ tịch và thành viên Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền hạn và nhiệm vụ sau đây:

- a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
- b. Chuẩn bị hoặc tổ chức việc chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
- c. Thay mặt Hội đồng quản trị ký văn bản thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
- d. Tổ chức việc thông qua quyết định của Hội đồng quản trị;
- e. Giám sát, tổ chức giám sát việc thực hiện nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- f. Làm Chủ tọa họp Đại hội đồng cổ đông;
- g. Bảo đảm thành viên Hội đồng quản trị nhận được thông tin đầy đủ, khách quan, chính xác và có đủ thời gian thảo luận các vấn đề mà Hội đồng quản trị phải xem xét;
- h. Phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên Hội đồng quản trị. Nội dung phân công nhiệm vụ cụ thể thành viên phải được thể hiện dưới dạng văn bản và có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị;
- i. Giám sát thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền, nghĩa vụ và nhiệm vụ được phân công;
- j. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên Hội đồng quản trị khác để thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ Nam A Bank. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư

trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị;

k. Định kỳ hằng năm, đánh giá hiệu quả làm việc của từng thành viên Hội đồng quản trị, các Ủy ban của Hội đồng quản trị và báo cáo Đại hội đồng cổ đông về kết quả đánh giá này;

l. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính năm, báo cáo hoạt động của Nam A Bank, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông;

m. Quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Nam A Bank.

2. Thành viên Hội đồng quản trị có các quyền và nhiệm vụ sau đây:

a. Cùng với các thành viên khác của Hội đồng quản trị quản trị Nam A Bank theo quy định của pháp luật và Điều lệ của Nam A Bank;

b. Thực hiện quyền, nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị theo đúng quy chế nội bộ của Hội đồng quản trị và sự phân công của Chủ tịch Hội đồng quản trị một cách trung thực, cẩn trọng, vì lợi ích của Nam A Bank và cổ đông; phát huy tính độc lập của thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền, nghĩa vụ; chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình;

c. Xem xét báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính do kiểm toán viên độc lập chuẩn bị, có ý kiến hoặc yêu cầu người điều hành, kiểm toán viên độc lập và kiểm toán viên nội bộ giải trình, làm rõ vấn đề có liên quan đến báo cáo;

d. Tham gia bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

e. Đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường;

f. Tham dự cuộc họp Hội đồng quản trị, thảo luận và biểu quyết về nội dung thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng, chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị về quyết định của mình. Trường hợp nội dung biểu quyết có xung đột lợi ích với thành viên nào thì thành viên đó không được tham gia biểu quyết;

g. Thành viên Hội đồng quản trị không được ủy quyền cho người khác tham dự cuộc họp Hội đồng quản trị để quyết định nội dung quy định tại các khoản 2, 4, 6, 7, 8, 9, 10, 12, 13, 14 và 18 Điều 70 Luật Các tổ chức tín dụng;

h. Thực hiện nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;

i. Giải trình trước Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ được giao khi có yêu cầu;

j. Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Nam A Bank theo quy định của pháp luật;

k. Từng thành viên độc lập Hội đồng quản trị của Nam A Bank phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị;

1. Quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Nam A Bank.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 49. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thù lao, thưởng và các lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Nam A Bank theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Nam A Bank và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các ủy ban, hội đồng, ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí phù hợp với ngân sách hoạt động của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông thông qua và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị từng thời kỳ.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Nam A Bank mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ Nam A Bank.

Điều 50. Thay thế thành viên Hội đồng quản trị

1. Trong thời hạn không quá 10 (mười) ngày kể từ ngày Chủ tịch Hội đồng quản trị bị đương nhiên mất tư cách thành viên Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm tổ chức họp Hội đồng quản trị để bầu một thành viên Hội đồng quản trị (đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định hiện hành) làm Chủ tịch Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị muốn từ chức Chủ tịch phải có đơn gửi đến Hội đồng quản trị. Trong thời hạn 60 (sáu mươi) ngày kể từ ngày nhận đơn, Hội đồng quản trị phải tổ chức họp để xem xét quyết định và tiến hành các thủ tục miễn nhiệm, bãi nhiệm, bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị theo quy định hiện hành.

3. Thành viên Hội đồng quản trị muốn từ chức phải có đơn hoặc văn bản gửi Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông quyết định.

4. Trường hợp Hội đồng quản trị có số thành viên ít hơn số thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều lệ này, trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày không đủ số thành

viên tối thiểu, Nam A Bank phải bầu bổ sung, bảo đảm số thành viên tối thiểu, trừ trường hợp Nam A Bank được kiểm soát đặc biệt.

5. Những người được bầu giữ chức Chủ tịch và thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm tiếp nhận và đảm nhiệm ngay công việc của chức danh được bầu. Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản trị đã miễn nhiệm, bãi nhiệm có trách nhiệm bàn giao công việc cho Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản trị mới được bầu xử lý; đồng thời phải chịu trách nhiệm cá nhân đối với các quyết định của mình trong thời gian có tư cách đảm nhiệm chức danh đó.

6. Đối với các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại khoản 1 Điều 41 Điều lệ này, Hội đồng quản trị có thể tổ chức Đại hội đồng cổ đông bất thường hoặc trình Đại hội đồng cổ đông gần nhất quyết định.

Điều 51. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Triệu tập và thông báo:

a. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn 01 (một) thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 (một) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị;

b. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 (một) lần và có thể họp bất thường;

c. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- i. Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
- ii. Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 (năm) người quản lý khác;
- iii. Có đề nghị của ít nhất 02 (hai) thành viên Hội đồng quản trị.

Đề nghị quy định tại điểm c khoản 1 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

d. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại điểm c khoản 1 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Nam A Bank; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị;

e. Các cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ được tiến hành tại trụ sở chính của Nam A Bank hoặc những địa điểm khác theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị;

f. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Người triệu tập họp Hội đồng quản trị gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 (ba) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp có thể được gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Nam A Bank.

2. Điều kiện tiến hành:

Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 (ba phần tư) tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ 02 (hai) trong thời hạn 07 (bảy) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

3. Tham dự và biểu quyết:

a. Thành viên Hội đồng quản trị được xem là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

i. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

ii. Ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác đến dự họp và biểu quyết, trừ trường hợp ủy quyền tham dự và biểu quyết thông qua các nội dung quy định tại điểm g khoản 2 Điều 48 Điều lệ này;

iii. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

iv. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;

v. Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định của Hội đồng quản trị trong từng thời kỳ.

b. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 (một) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp;

c. Thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp thì không có quyền biểu quyết thông qua các giao dịch này;

d. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị;

e. Trường hợp cuộc họp của Hội đồng quản trị được tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến thì thực hiện theo quy định cụ thể của Hội đồng quản trị.

4. Lấy ý kiến bằng văn bản:

Trường hợp Hội đồng quản trị lấy ý kiến bằng văn bản để thông qua quyết định về một vấn đề thì quyết định được xem là có giá trị tương đương với một quyết định được thông qua bởi các thành viên Hội đồng quản trị tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức thông thường, nếu:

a. Được sự nhất trí bằng văn bản của trên 50% các thành viên Hội đồng quản trị có quyền tham gia biểu quyết đối với vấn đề đưa ra xin ý kiến;

b. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị có quyền tham gia biểu quyết bằng văn bản phải đáp ứng được điều kiện về số lượng thành viên bắt buộc phải có để tiến hành họp Hội đồng quản trị.

5. Biên bản họp:

Biên bản họp Hội đồng quản trị phải có các nội dung chủ yếu quy định tại khoản 1 Điều 158 Luật Doanh nghiệp. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 158 Luật Doanh nghiệp. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ chính của Nam A Bank. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và có thể lập bằng tiếng nước ngoài. Trường hợp hai biên bản này có sự khác biệt về nội dung thì được giải thích và áp dụng theo biên bản được lập bằng tiếng Việt.

Điều 52. Bộ máy giúp việc của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị thành lập các ủy ban, hội đồng, ban, văn phòng, bộ phận khác để giúp Hội đồng quản trị thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình, trong đó phải có Ủy ban Quản lý rủi ro và Ủy ban Nhân sự. Nhiệm vụ, quyền hạn của các ủy ban, hội đồng, ban, văn phòng, bộ phận này do Hội đồng quản trị quy định trên cơ sở phù hợp với quy định pháp luật.

Điều 53. Người phụ trách quản trị Nam A Bank

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm ít nhất 01 (một) người làm Người phụ trách quản trị Nam A Bank để hỗ trợ hoạt động quản trị ngân hàng được tiến hành một cách có hiệu quả. Người phụ trách quản trị có thể kiêm nhiệm làm Thư ký theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.

2. Người phụ trách quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

a. Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Nam A Bank;

b. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật và quyết định của Hội đồng quản trị.

3. Người phụ trách quản trị có các quyền và nghĩa vụ sau:

a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Nam A Bank và cổ đông;

b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;

c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

d. Tham dự các cuộc họp;

e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;

f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;

g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Nam A Bank;

h. Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;

i. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Nam A Bank;

j. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Nam A Bank.

Mục XII. Tổng giám đốc và người điều hành khác

Điều 54. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Nam A Bank phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hàng ngày của Nam A Bank. Nam A Bank có 01 (một) Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, 01 (một) Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thực hiện bằng nghị quyết Hội đồng quản trị và được thông qua một cách hợp pháp.

Điều 55. Người điều hành

1. Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Nam A Bank được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý Nam A Bank do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành phải có trách nhiệm mẫn cán để hỗ trợ Nam A Bank đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.

2. Mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định và hợp đồng với những người điều hành khác do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng giám đốc.

3. Tiền lương của Tổng giám đốc được tính vào chi phí kinh doanh của Nam A Bank theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Nam A Bank và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 56. Tổng giám đốc

1. Điều hành hoạt động Nam A Bank là Tổng giám đốc, giúp việc cho Tổng giám đốc là Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và bộ máy chuyên môn nghiệp vụ.

2. Hội đồng quản trị bổ nhiệm trong số thành viên của mình hoặc một người khác làm Tổng giám đốc hoặc thuê Tổng giám đốc và sẽ ký một hợp đồng lao động quy định lương, bồi thường, các quyền lợi và các điều khoản khác đối với Tổng giám đốc. Lương, bồi thường và các quyền lợi của Tổng giám đốc phải được báo cáo với Đại hội đồng cổ đông và ghi tại báo cáo năm của Nam A Bank.

3. Tổng giám đốc là người chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị, trước pháp luật về việc điều hành hoạt động hàng ngày của Nam A Bank.

4. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc là 05 (năm) năm và có thể tái bổ nhiệm với số nhiệm kỳ không hạn chế.

5. Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc không được đồng thời là người quản lý, người điều hành, kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát của tổ chức tín dụng khác, doanh nghiệp khác, trừ trường hợp Phó Tổng giám đốc là người quản lý, người điều hành công ty con của Nam A Bank.

Điều 57. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng giám đốc

1. Hội đồng quản trị chỉ được ra quyết định bổ nhiệm Tổng giám đốc, sau khi đã được NHNN có văn bản chấp thuận. Trình tự, thủ tục, hồ sơ xin thay đổi và chuẩn y việc bổ nhiệm Tổng giám đốc được thực hiện theo quy định của NHNN.

2. Tổng giám đốc sau khi có quyết định bổ nhiệm của Hội đồng quản trị, được đảm nhiệm ngay công việc của chức danh mới được bổ nhiệm; Tổng giám đốc cũ có trách nhiệm bàn giao công việc cho Tổng giám đốc mới xử lý và phải chịu trách nhiệm cá nhân đối với các quyết định của mình trong thời gian có tư cách đảm nhiệm chức danh đó.

3. Trong thời hạn 01 (một) ngày làm việc kể từ ngày Tổng giám đốc: (i) bị xác định đương nhiên mất tư cách theo quy định tại khoản 1 Điều 40 Điều lệ này, hoặc (ii) bị miễn nhiệm, bãi nhiệm khi chưa có người thay thế, hoặc (ii) vi phạm nghiêm trọng quy định của pháp luật, của NHNN và Điều lệ Nam A Bank, dẫn đến Hội đồng quản trị tạm đình chỉ quyền điều hành của Tổng giám đốc; khi đó, Hội đồng quản trị quyết định cử ngay một Phó Tổng giám đốc điều hành hoạt động Nam A Bank để đảm bảo Nam A Bank hoạt động ổn định, liên tục. Người được cử điều hành Nam A Bank phải chịu trách nhiệm cá nhân đối với nhiệm vụ được giao trong thời gian đảm nhận nhiệm vụ này.

4. Trường hợp khuyết Tổng giám đốc, Hội đồng quản trị phải bổ nhiệm Tổng giám đốc trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày khuyết Tổng giám đốc.

Điều 58. Nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc

Tổng giám đốc có nhiệm vụ và quyền hạn như sau:

1. Tổ chức thực hiện nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
2. Quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền liên quan đến hoạt động kinh doanh hằng ngày của Nam A Bank.
3. Thiết lập, duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ hoạt động có hiệu quả.
4. Lập và trình Hội đồng quản trị thông qua hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền thông qua báo cáo tài chính; chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của báo cáo tài chính, báo cáo thống kê, số liệu quyết toán và các thông tin tài chính khác.
5. Ban hành theo thẩm quyền quy chế, quy định nội bộ; quy trình, thủ tục tác nghiệp để vận hành hệ thống điều hành kinh doanh, hệ thống thông tin quản lý.
6. Báo cáo với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Đại hội đồng cổ đông và cơ quan nhà nước có thẩm quyền về hoạt động và kết quả kinh doanh của Nam A Bank.
7. Quyết định áp dụng biện pháp vượt thẩm quyền của mình trong trường hợp thiên tai, địch họa, hỏa hoạn, sự cố và chịu trách nhiệm về quyết định đó, kịp thời báo cáo Hội đồng quản trị.
8. Kiến nghị, đề xuất cơ cấu tổ chức quản lý của Nam A Bank trình Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông quyết định theo thẩm quyền.
9. Đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường theo quy định của Điều lệ Nam A Bank.
10. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm chức danh quản lý, điều hành của Nam A Bank, trừ chức danh thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
11. Ký kết hợp đồng, giao dịch khác nhân danh Nam A Bank theo quy định của Điều lệ và quy định nội bộ của Nam A Bank.
12. Kiến nghị phương án sử dụng lợi nhuận, xử lý lỗ trong kinh doanh của Nam A Bank.
13. Tuyển dụng lao động; quyết định lương, thưởng của người lao động theo thẩm quyền.
14. Các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật và Điều lệ Nam A Bank.

Mục XIII. Ban kiểm soát

Điều 59. Thành phần và nhiệm kỳ của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát có tối thiểu 05 (năm) thành viên. Các thành viên Ban kiểm soát không phải là người làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Nam A Bank và không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Nam A Bank trong 03 (ba) năm liền trước đó. Số lượng thành viên của từng nhiệm kỳ do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

2. Nhiệm kỳ của Ban kiểm soát không quá 05 (năm) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát theo nhiệm kỳ của Ban kiểm soát. Thành viên Ban kiểm soát có thể được bầu hoặc bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Nhiệm kỳ của thành viên được bổ sung hoặc thay thế thành viên bị đương nhiên mất tư cách, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ. Ban kiểm soát của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Ban kiểm soát của nhiệm kỳ mới tiếp quản công việc.

3. Trưởng Ban kiểm soát phải cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm.

4. Thành viên Ban kiểm soát không phải là người có liên quan của người quản lý Nam A Bank và không được đồng thời đảm nhiệm một trong các chức vụ sau đây:

a. Người quản lý, người điều hành Nam A Bank, tổ chức tín dụng khác, doanh nghiệp khác; nhân viên của Nam A Bank hoặc công ty con của Nam A Bank;

b. Nhân viên của doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng quản trị của Nam A Bank là thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành hoặc là cổ đông lớn của doanh nghiệp đó.

5. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam.

6. Các cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông đề cử, ứng cử (bao gồm đề cử người khác và tự ứng cử) các ứng cử viên Ban kiểm soát theo nguyên tắc như sau:

a. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 05% đến dưới 20% tổng số cổ phần phổ thông được đề cử, ứng cử 01 (một) ứng cử viên;

b. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 20% đến dưới 30% tổng số cổ phần phổ thông được đề cử, ứng cử tối đa 02 (hai) ứng cử viên;

c. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 30% đến dưới 40% tổng số cổ phần phổ thông được đề cử, ứng cử tối đa 03 (ba) ứng cử viên;

d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 40% đến dưới 50% tổng số cổ phần phổ thông được đề cử, ứng cử tối đa 04 (bốn) ứng cử viên;

e. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 50% đến dưới 60% tổng số cổ phần phổ thông được đề cử, ứng cử tối đa 05 (năm) ứng cử viên;

f. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 60% đến dưới 70% tổng số cổ phần phổ thông được đề cử, ứng cử tối đa 06 (sáu) ứng cử viên;

g. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 70% đến dưới 80% tổng số cổ phần phổ thông được đề cử, ứng cử tối đa bảy 07 (bảy) ứng cử viên;

h. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 80% đến dưới 90% tổng số cổ phần phổ thông được đề cử, ứng cử tối đa tám 08 (tám) ứng cử viên.

7. Trường hợp số lượng các ứng cử viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Nam A Bank, Quy chế nội bộ về quản trị Nam A Bank và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 60. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban kiểm soát

1. Những người được bầu giữ chức Trưởng ban và thành viên Ban kiểm soát có trách nhiệm tiếp nhận bàn giao và đảm nhiệm công việc của chức danh được bầu. Những người bị miễn nhiệm, bãi nhiệm có trách nhiệm bàn giao công việc cho những người mới được bầu; đồng thời phải chịu trách nhiệm cá nhân đối với các quyết định của mình trong thời gian có tư cách đảm nhiệm chức danh đó.

2. Ban kiểm soát có nhiệm vụ và quyền hạn như sau:

a. Giám sát hoạt động quản trị, điều hành Nam A Bank trong việc tuân thủ pháp luật, quy định nội bộ, Điều lệ và nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng và Điều lệ Nam A Bank;

b. Ban hành quy định nội bộ của Ban kiểm soát; định kỳ hằng năm xem xét lại quy định nội bộ của Ban kiểm soát, quy định nội bộ của Nam A Bank về kế toán, báo cáo;

c. Tổ chức thực hiện kiểm toán nội bộ; được tiếp cận, cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời các thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động quản trị, điều hành Nam A Bank, có quyền sử dụng các nguồn lực của Nam A Bank để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao; được thuê chuyên gia, tư vấn độc lập và tổ chức bên ngoài để thực hiện nhiệm vụ nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm về việc thực hiện nhiệm vụ của Ban kiểm soát;

d. Giám sát thực trạng tài chính, thẩm định báo cáo tài chính 06 (sáu) tháng đầu năm và hằng năm của Nam A Bank; báo cáo Đại hội đồng cổ đông về kết quả thẩm định báo cáo tài chính; đánh giá tính hợp lý, hợp pháp, trung thực và mức độ cần trọng trong công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông;

e. Giám sát việc thông qua và thực hiện dự án đầu tư, mua, bán tài sản cố định, hợp đồng, giao dịch khác của Nam A Bank thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị. Định kỳ hằng năm, lập và gửi báo cáo kết quả giám sát cho Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;

f. Giám sát việc chấp hành các quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng về các hạn chế để bảo đảm an toàn trong hoạt động của Nam A Bank;

g. Kiểm tra sổ sách kế toán, các tài liệu khác và công việc quản lý, điều hành hoạt động của Nam A Bank khi xét thấy cần thiết hoặc trong các trường hợp sau đây:

i. Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

ii. Theo yêu cầu của NHNN hoặc của cổ đông lớn, nhóm cổ đông lớn phù hợp với quy định của pháp luật. Việc kiểm tra được thực hiện trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm

việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo, giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến tổ chức, cá nhân có yêu cầu.

h. Kịp thời thông báo cho Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị khi phát hiện người quản lý, người điều hành Nam A Bank có hành vi vi phạm pháp luật, vi phạm Điều lệ, quy định nội bộ của Nam A Bank, nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; yêu cầu người vi phạm chấm dứt ngay hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả (nếu có);

i. Lập danh sách cổ đông sở hữu từ 01% vốn điều lệ trở lên và người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc của Nam A Bank, cổ đông sở hữu từ 01% vốn điều lệ trở lên; lưu giữ và cập nhật thay đổi của danh sách này;

j. Đề nghị Hội đồng quản trị họp bất thường hoặc đề nghị Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng và Điều lệ Nam A Bank;

k. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp hoặc trong trường hợp Hội đồng quản trị có quyết định vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Các tổ chức tín dụng, Điều 165 Luật Doanh nghiệp hoặc vượt quá thẩm quyền được giao;

l. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, kỷ luật, đình chỉ và quyết định mức lương, lợi ích khác đối với các chức danh thuộc bộ phận kiểm toán nội bộ trên cơ sở phù hợp với cơ chế chung của Nam A Bank;

m. Kịp thời báo cáo NHNN về các hành vi vi phạm quy định tại các điểm f, h và k khoản 2 Điều này và các hành vi vi phạm về tỷ lệ sở hữu cổ phần, phần vốn góp, người có liên quan theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng;

n. Các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật và Điều lệ Nam A Bank.

Điều 61. Nhiệm vụ, quyền hạn của Trưởng ban và các thành viên Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát có nhiệm vụ và quyền hạn sau:

a. Tổ chức thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát quy định tại khoản 2 Điều 60 Điều lệ Nam A Bank và chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình;

b. Triệu tập và làm chủ tọa cuộc họp Ban kiểm soát;

c. Thay mặt Ban kiểm soát ký văn bản thuộc thẩm quyền của Ban kiểm soát;

d. Thay mặt Ban kiểm soát triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường theo quy định tại điểm k khoản 2 Điều 60 Điều lệ này hoặc đề nghị Hội đồng quản trị họp bất thường;

e. Tham dự cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền phát biểu ý kiến nhưng không được biểu quyết;

f. Yêu cầu ghi lại ý kiến của mình trong biên bản cuộc họp Hội đồng quản trị nếu ý kiến đó khác với nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị và báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông;

g. Chuẩn bị kế hoạch làm việc của Ban kiểm soát và phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên Ban kiểm soát;

h. Bảo đảm thành viên Ban kiểm soát nhận được thông tin đầy đủ, khách quan, chính xác và có đủ thời gian thảo luận các vấn đề mà Ban kiểm soát phải xem xét;

i. Giám sát, chỉ đạo việc thực hiện nhiệm vụ được phân công và quyền, nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát;

j. Chỉ được ủy quyền cho một thành viên khác của Ban kiểm soát thực hiện quyền, nghĩa vụ của Trưởng ban kiểm soát trong thời gian vắng mặt hoặc không thể thực hiện nhiệm vụ;

k. Quyền, nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật và Điều lệ Nam A Bank.

2. Thành viên Ban kiểm soát có nhiệm vụ và quyền hạn như sau:

a. Tuân thủ pháp luật, Điều lệ Nam A Bank, quy định nội bộ của Ban kiểm soát và thực hiện nhiệm vụ theo phân công của Trưởng ban kiểm soát để triển khai nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát một cách trung thực, cẩn trọng, vì lợi ích của Nam A Bank và của cổ đông; chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình;

b. Bầu một thành viên Ban kiểm soát làm Trưởng Ban kiểm soát;

c. Yêu cầu Trưởng Ban kiểm soát triệu tập họp Ban kiểm soát bất thường;

d. Kiểm soát các hoạt động kinh doanh, kiểm tra sổ sách kế toán, tài sản, báo cáo tài chính và kiến nghị biện pháp khắc phục;

e. Yêu cầu người quản lý báo cáo, giải trình về thực trạng tài chính, kết quả kinh doanh của công ty con, kế hoạch, dự án, chương trình đầu tư phát triển và quyết định khác trong quản lý, điều hành Nam A Bank;

f. Yêu cầu người quản lý, người điều hành, nhân viên của Nam A Bank cung cấp số liệu và giải trình các hoạt động kinh doanh để thực hiện nhiệm vụ được phân công;

g. Báo cáo Trưởng Ban kiểm soát về các hoạt động tài chính bất thường của Nam A Bank và chịu trách nhiệm về đánh giá, kết luận của mình;

h. Tham dự cuộc họp của Ban kiểm soát, thảo luận và biểu quyết về vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát, trừ những vấn đề có xung đột lợi ích với thành viên đó;

i. Quyền, nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật và Điều lệ Nam A Bank.

3. Mức thù lao của các thành viên Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Thành viên của Ban kiểm soát được thanh toán các khoản chi phí phù hợp với ngân sách hoạt động của Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông thông qua và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát từng thời kỳ.

Điều 62. Thay thế thành viên Ban kiểm soát

1. Thành viên của Ban kiểm soát đương nhiên bị mất tư cách hoặc bị bãi nhiệm, miễn nhiệm chức danh theo quy định tại Điều 40 và Điều 41 Điều lệ này. Trình tự, thủ tục, hồ sơ xin thay đổi và chuẩn y việc bầu, bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định của pháp luật và quy định của NHNN.

2. Trưởng Ban kiểm soát muốn từ chức Trưởng ban, phải có đơn gửi đến Ban kiểm soát. Trong thời hạn 60 (sáu mươi) ngày kể từ ngày nhận đơn, Ban kiểm soát phải tổ chức họp để bầu Trưởng Ban kiểm soát mới.

3. Thành viên Ban kiểm soát muốn từ chức phải có đơn gửi đến Ban kiểm soát để trình Đại hội đồng cổ đông thường niên gần nhất quyết định.

4. Trường hợp Ban kiểm soát có số thành viên ít hơn số thành viên tối thiểu quy định tại Điều lệ này, trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày không đủ số thành viên tối thiểu, Nam A Bank phải bầu bổ sung, bảo đảm số thành viên tối thiểu, trừ trường hợp Nam A Bank được kiểm soát đặc biệt.

Điều 63. Các cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất 02 (hai) lần trong 01 (một) năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 (hai phần ba) số thành viên Ban kiểm soát. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

3. Chi tiết về điều kiện tiến hành, cách thức tham dự và biểu quyết tại cuộc họp của Ban kiểm soát thực hiện theo Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.

Mục XIV. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ ngân hàng

Điều 64. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:

a. Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc của mình trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Nam A Bank, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

b. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, họp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Nam A Bank.

2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành có quyền tra cứu sổ đăng ký cổ đông của Nam A Bank, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Nam A Bank vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

4. Nam A Bank phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy phép, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều

kiện là các cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.

5. Điều lệ sẽ được công bố trên website của Nam A Bank.

Mục XV. Người lao động và công đoàn

Điều 65. Người lao động và công đoàn

1. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch đề Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành.

2. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch đề Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Nam A Bank với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Nam A Bank và quy định pháp luật hiện hành.

Mục XVI. Phân chia lợi nhuận

Điều 66. Cổ tức

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hằng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Nam A Bank.

2. Nam A Bank không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

3. Hội đồng quản trị có thể đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.

4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Nam A Bank phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Nam A Bank đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Nam A Bank không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Nam A Bank chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

5. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Mục XVII. Hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quỹ dự trữ, năm tài chính, hệ thống kế toán

Điều 67. Hệ thống kiểm soát nội bộ

Nam A Bank thiết lập một hệ thống kiểm soát nội bộ như sau:

1. Hệ thống kiểm soát nội bộ là tập hợp các cơ chế, chính sách, quy trình, quy định nội bộ, cơ cấu tổ chức của Nam A Bank và được tổ chức thực hiện nhằm bảo đảm phòng ngừa, phát hiện, xử lý kịp thời rủi ro.

2. Hệ thống kiểm soát nội bộ của Nam A Bank được thiết lập để bảo đảm các yêu cầu sau đây:

- a. Hiệu quả và an toàn trong hoạt động; bảo vệ, quản lý, sử dụng an toàn, hiệu quả tài sản và các nguồn lực;
- b. Hệ thống thông tin tài chính và thông tin quản lý trung thực, hợp lý, đầy đủ và kịp thời;
- c. Tuân thủ pháp luật và các cơ chế, chính sách, quy trình, quy định nội bộ của Nam A Bank.

3. Nam A Bank xây dựng hệ thống kiểm soát nội bộ và triển khai ứng dụng công nghệ trong hoạt động kiểm soát nội bộ theo quy định của NHNN.

Điều 68. Kiểm toán nội bộ

1. Nam A Bank thành lập kiểm toán nội bộ thuộc Ban kiểm soát thực hiện kiểm toán nội bộ Nam A Bank.

2. Kiểm toán nội bộ thực hiện rà soát, đánh giá độc lập, khách quan về tính thích hợp và sự tuân thủ cơ chế, chính sách, quy trình, quy định nội bộ của Nam A Bank; đưa ra kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả của các hệ thống, quy trình, quy định, góp phần bảo đảm Nam A Bank hoạt động an toàn, hiệu quả, đúng pháp luật.

3. Kết quả kiểm toán nội bộ phải được báo cáo Ban kiểm soát và gửi Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc của Nam A Bank.

Điều 69. Chế độ Tài chính

1. Nam A Bank chấp hành chế độ tài chính theo quy định của Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Tài chính.

2. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc Nam A Bank chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước các cơ quan quản lý Nhà nước về việc chấp hành chế độ tài chính của Nam A Bank.

3. Đại hội đồng cổ đông phân công, ủy quyền cho Hội đồng quản trị ban hành Quy chế Tài chính của Nam A Bank phù hợp với quy định pháp luật trong từng thời kỳ.

Điều 70. Phân phối lợi nhuận và các quỹ

1. Phần lợi nhuận còn lại của Nam A Bank sau khi bù đắp lỗ năm trước theo quy định của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp thì được phân phối theo quy định của Chính phủ.

2. Hằng năm, Nam A Bank trích từ lợi nhuận sau thuế để lập và duy trì các quỹ sau đây:

- a. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ được trích lập hằng năm theo tỷ lệ 10% lợi nhuận sau thuế. Mức tối đa của quỹ này không được vượt quá mức vốn điều lệ của Nam A Bank;
- b. Quỹ dự phòng tài chính;
- c. Quỹ đầu tư phát triển;
- d. Quỹ thưởng Người quản lý;
- e. Quỹ khen thưởng;

f. Quỹ phúc lợi;

g. Quỹ dự trữ khác theo quy định pháp luật.

3. Nam A Bank quản lý và sử dụng các quỹ theo quy định của pháp luật.

Điều 71. Kế toán và Thuế

1. Nam A Bank thực hiện chế độ kế toán, thống kê theo quy định của pháp luật.

2. Năm tài chính của Nam A Bank bắt đầu từ ngày 01 (một) tháng 01 (một) và kết thúc vào ngày 31 (ba mươi mốt) tháng 12 (mười hai) năm dương lịch.

Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày thứ 31 (ba mươi mốt) của tháng 12 (mười hai) ngay sau ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đó.

3. Nam A Bank lập sổ sách kế toán theo loại hình kinh doanh bằng tiếng Việt. Các sổ sách đó phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch.

4. Chế độ kế toán Nam A Bank sử dụng là Chế độ Kế toán Việt Nam (VAS) hoặc chế độ kế toán khác được Bộ Tài chính chấp thuận. Nam A Bank thực hiện hạch toán theo hệ thống tài khoản kế toán do NHNN quy định.

Mục XVIII. Báo cáo hàng năm, trách nhiệm cung cấp thông tin, thông báo ra công chúng

Điều 72. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý

1. Nam A Bank lập các báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật về kế toán, thống kê, điều tra thống kê và báo cáo hoạt động nghiệp vụ định kỳ theo quy định của pháp luật.

2. Báo cáo tài chính của Nam A Bank bao gồm bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và bản thuyết minh báo cáo tài chính. Báo cáo tài chính hàng năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình lãi và lỗ của Nam A Bank trong năm tài chính.

Nam A Bank có công ty con thì phải lập báo cáo tài chính hợp nhất theo quy định của pháp luật.

3. Ngoài những báo cáo định kỳ, Nam A Bank báo cáo kịp thời cho NHNN trong những trường hợp sau:

a. Phát sinh diễn biến bất thường trong hoạt động nghiệp vụ có thể ảnh hưởng nghiêm trọng đến tình hình kinh doanh của Nam A Bank;

b. Thay đổi về tổ chức, quản trị, điều hành, tình hình tài chính của cổ đông lớn và thay đổi khác có ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động kinh doanh của Nam A Bank; mua, bán, chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp của cổ đông lớn;

c. Thay đổi tên chi nhánh của Nam A Bank; tạm ngừng hoạt động kinh doanh dưới 05 (năm) ngày làm việc; niêm yết cổ phiếu trên thị trường chứng khoán trong nước.

4. Công ty con, công ty liên kết của Nam A Bank có trách nhiệm gửi báo cáo tài chính, báo cáo hoạt động của mình cho NHNN khi được yêu cầu.

5. Trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính, Nam A Bank phải gửi báo cáo hằng năm cho NHNN theo quy định của pháp luật.

6. Báo cáo tài chính năm, 06 (sáu) tháng và quý phải được công bố thông tin vào báo cáo Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định pháp luật. Nam A Bank thực hiện công bố thông tin trên trang thông tin điện tử (website) của Nam A Bank và trên Hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước theo đúng quy định pháp luật về chứng khoán.

Điều 73. Báo cáo thường niên

Nam A Bank phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Mục XIX. Kiểm toán ngân hàng

Điều 74. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định lựa chọn tổ chức kiểm toán độc lập để tiến hành các hoạt động kiểm toán Nam A Bank.

2. Nam A Bank phải chuẩn bị và gửi báo cáo kế toán hàng năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc mỗi năm tài chính.

3. Tổ chức kiểm toán độc lập của Nam A Bank sẽ kiểm tra, xác thực và báo cáo trên cơ sở báo cáo kế toán hàng năm các khoản thu chi của Nam A Bank và phải chuẩn bị Báo cáo Kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị.

4. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Nam A Bank.

5. Kiểm toán viên thực hiện việc kiểm toán Nam A Bank được phép tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán báo cáo tài chính của Nam A Bank.

6. Việc kiểm toán cụ thể các hoạt động của Nam A Bank được thực hiện theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng, pháp luật về kiểm toán độc lập và văn bản hướng dẫn của NHNN.

7. Trong quá trình kiểm toán, Nam A Bank có trách nhiệm:

a. Cung cấp kịp thời, đầy đủ và trung thực mọi thông tin, tài liệu cần thiết cho việc kiểm toán;

b. Phối hợp, tạo điều kiện thuận lợi cho kiểm toán viên thực hiện kiểm toán.

8. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác phải họp, đánh giá kỹ lưỡng về báo cáo kiểm toán và các kiến nghị của kiểm toán độc lập, đưa ra kế hoạch và thời gian biểu thực hiện các kiến nghị của kiểm toán độc lập và theo dõi việc thực hiện kế hoạch đó.

Mục XX. Dấu

Điều 75. Dấu của Nam A Bank

1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

2. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Nam A Bank, chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện của Nam A Bank.

3. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc sử dụng và quản lý dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

Mục XXI. Chấm dứt hoạt động và thanh lý

Điều 76. Báo cáo và Kiểm soát Đặc biệt

1. Nam A Bank có thể bị NHNN xem xét, quyết định đặt vào kiểm soát đặc biệt khi thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 162 Luật Các tổ chức tín dụng.

2. Kể từ ngày Nam A Bank được đặt vào kiểm soát đặc biệt, cổ đông của Nam A Bank phải báo cáo việc sử dụng cổ phần; không được chuyển nhượng cổ phần; không được sử dụng cổ phần để làm tài sản bảo đảm, trừ trường hợp thực hiện theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

3. Trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 192 Luật Các tổ chức tín dụng, Nam A Bank được vay đặc biệt từ NHNN, tổ chức tín dụng khác. Khoản vay đặc biệt được ưu tiên hoàn trả trước tất cả các khoản nợ, nghĩa vụ tài chính khác, kể cả các khoản nợ, nghĩa vụ tài chính có tài sản bảo đảm của Nam A Bank.

Điều 77. Phá sản

Việc phá sản thực hiện theo quy định tại Điều 203 Luật Các tổ chức tín dụng.

Điều 78. Giải thể Nam A Bank

Nam A Bank bị giải thể trong các trường hợp sau:

1. Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định giải thể và chấm dứt hoạt động Nam A Bank theo quy định của pháp luật và được NHNN chấp thuận.

2. Khi hết hạn hoạt động Nam A Bank không xin gia hạn giấy phép hoạt động hoặc xin gia hạn nhưng không được NHNN chấp thuận.

3. Bị thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động của Nam A Bank.

4. Việc giải thể Nam A Bank trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải thông báo hay xin chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 79. Gia hạn hoạt động

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất 07 (bảy) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Nam A Bank theo đề nghị của Hội đồng quản trị.

2. Hồ sơ, trình tự, thủ tục, gia hạn thời hạn hoạt động thực hiện theo quy định của NHNN.

Điều 80. Thanh lý Nam A Bank

1. Trường hợp Nam A Bank bị tuyên bố phá sản, việc thanh lý Nam A Bank được thực hiện theo quy định của Luật phá sản doanh nghiệp.

2. Khi giải thể theo Điều 78 Điều lệ này, Nam A Bank tiến hành thanh lý ngay dưới sự giám sát của NHNN.

3. Tối thiểu 06 (sáu) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Nam A Bank hoặc sau khi có một quyết định giải thể Nam A Bank, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm 03 (ba) thành viên: 02 (hai) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và 01 (một) thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên Nam A Bank hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Nam A Bank ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Nam A Bank.

4. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Nam A Bank trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Nam A Bank trước Tòa án và các cơ quan hành chính.

5. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:

- a. Các chi phí thanh lý;
- b. Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;
- c. Nợ thuế;
- d. Các khoản nợ khác của Nam A Bank;
- e. Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ điểm a đến điểm d khoản này được phân chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

Mục XXII. Giải quyết tranh chấp nội bộ

Điều 81. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Nam A Bank, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Nam A Bank, các quy định pháp luật khác hoặc thỏa thuận giữa: (i) Cổ đông với Nam A Bank; hoặc (ii) Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc hay người điều hành khác; các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hòa giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng 06 (sáu) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu, chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hòa giải trong vòng 06 (sáu) tuần từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu quyết định của trung gian hòa giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Tòa án.

3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

Mục XXIII. Thông tin và bảo mật

Điều 82. Thông tin

1. Nam A Bank cung cấp thông tin cho chủ tài khoản về những giao dịch và số dư trên tài khoản của họ tại Nam A Bank theo thỏa thuận với chủ tài khoản.

2. Nam A Bank được trao đổi thông tin với các tổ chức tín dụng khác về hoạt động ngân hàng và về khách hàng.

3. Nam A Bank có trách nhiệm báo cáo, cung cấp các thông tin cho NHNN về tình hình hoạt động kinh doanh, nhân sự theo yêu cầu của NHNN và được NHNN cung cấp thông tin liên quan đến hoạt động ngân hàng của những khách hàng có quan hệ với Nam A Bank.

Điều 83. Nghĩa vụ bảo mật

1. Nhân viên của Nam A Bank và những người có liên quan không được tiết lộ bí mật quốc gia và bí mật kinh doanh của Nam A Bank mà mình biết.

2. Nam A Bank được quyền từ chối yêu cầu của tổ chức, cá nhân về cung cấp thông tin liên quan đến tiền gửi, tài sản của khách hàng và hoạt động của Nam A Bank, trừ trường hợp có yêu cầu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật hoặc được sự chấp thuận của khách hàng.

Mục XXIV. Điều khoản thi hành

Điều 84. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ

1. Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.
2. Trong Điều lệ này, bất kỳ dẫn chiếu nào đến bất cứ quy định pháp luật nào sẽ bao gồm cả những quy định pháp luật sửa đổi, bổ sung, thay thế.
3. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Nam A Bank chưa được đề cập trong Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Nam A Bank.

Điều 85. Hiệu lực

1. Điều lệ này gồm 85 Điều, có hiệu lực kể từ khi được Đại hội đồng cổ đông của Nam A Bank thông qua và ký ban hành.
2. Điều lệ được lập thành 04 (bốn) bản gốc, có giá trị như nhau, được nộp cho các Cơ quan Nhà nước và được lưu trữ tại trụ sở chính của Nam A Bank.

**NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN NAM Á
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
TỔNG GIÁM ĐỐC**

Trần Khải Hoàn

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU	1
Mục I. Định nghĩa các thuật ngữ trong Điều lệ	1
Điều 1. Giải thích thuật ngữ.....	1
Mục II. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp, ngân hàng 100% vốn ở nước ngoài và thời gian hoạt động của Nam A Bank.	3
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp, ngân hàng 100% vốn ở nước ngoài và thời gian hoạt động của Nam A Bank.....	3
Mục III. Mục tiêu của Nam A Bank.....	4
Điều 3. Mục tiêu của Nam A Bank.....	4
Mục IV. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Nam A Bank	5
Điều 4. Hoạt động của Nam A Bank	5
Điều 5. Vay, gửi tiền, mua, bán giấy tờ có giá	5
Điều 6. Mở tài khoản	5
Điều 7. Tổ chức và tham gia hệ thống thanh toán	6
Điều 8. Góp vốn, mua cổ phần	6
Điều 9. Kinh doanh ngoại hối, cung ứng dịch vụ ngoại hối và sản phẩm phái sinh	6
Điều 10. Nghiệp vụ ủy thác và đại lý, giao đại lý	7
Điều 11. Các hoạt động kinh doanh khác	7
Mục V. Vốn điều lệ và vốn hoạt động.....	8
Điều 12. Vốn điều lệ.....	8
Điều 13. Thay đổi vốn điều lệ	8
Điều 14. Vốn hoạt động của Nam A Bank	9
Mục VI. Cổ phần, cổ phiếu, cổ đông, cổ đông lớn và cổ đông sáng lập.....	10
Điều 15. Cổ phần, Cổ đông	10
Điều 16. Giới hạn sở hữu cổ phần	11
Điều 17. Cổ phiếu.....	11
Điều 18. Chứng chỉ chứng khoán khác	12
Điều 19. Chuyển nhượng Cổ phần	12
Mục VII. Cơ cấu tổ chức quản lý	13
Điều 20. Cơ cấu tổ chức quản lý	13
Mục VIII. Cổ đông và Đại hội đồng cổ đông	14
Điều 21. Sổ đăng ký cổ đông.....	14
Điều 22. Quyền hạn của Cổ đông.....	14
Điều 23. Nghĩa vụ của Cổ đông	16
Điều 24. Đại hội đồng cổ đông thường niên	17
Điều 25. Đại hội đồng cổ đông bất thường	17

Điều 26. Quyền hạn và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông	18
Điều 27. Quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông	20
Điều 28. Ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông	20
Điều 29. Thay đổi các quyền	20
Điều 30. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, Chương trình họp và Thông báo	21
Điều 31. Các điều kiện tiến hành Đại hội đồng cổ đông	22
Điều 32. Thê thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.....	23
Điều 33. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông	24
Điều 34. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Quyết định của Đại hội đồng cổ đông	25
Điều 35. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.....	27
Điều 36. Báo cáo kết quả Đại hội đồng cổ đông.....	27
Điều 37. Hủy bỏ các quyết định của Đại hội đồng cổ đông	27
Mục IX. Điều khoản chung của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc ...	27
Điều 38. Quy định chung	27
Điều 39. Những trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ	28
Điều 40. Đương nhiên mất tư cách	29
Điều 41. Miễn nhiệm, bãi nhiệm.....	29
Điều 42. Đình chỉ, tạm đình chỉ việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và người điều hành	30
Mục X. Trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác	30
Điều 43. Trách nhiệm cẩn trọng.....	30
Điều 44. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi.....	31
Điều 45. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường	31
Mục XI. Hội đồng quản trị	31
Điều 46. Thành phần và Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị	31
Điều 47. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị.....	33
Điều 48. Quyền hạn, nhiệm vụ của Chủ tịch và thành viên Hội đồng quản trị	35
Điều 49. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị.....	37
Điều 50. Thay thế thành viên Hội đồng quản trị.....	37
Điều 51. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị	38
Điều 52. Bộ máy giúp việc của Hội đồng quản trị.....	40
Điều 53. Người phụ trách quản trị Nam A Bank	40
Mục XII. Tổng giám đốc và người điều hành khác	41
Điều 54. Tổ chức bộ máy quản lý.....	41
Điều 55. Người điều hành.....	41

Điều 56. Tổng giám đốc	41
Điều 57. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng giám đốc.....	41
Điều 58. Nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc	42
Mục XIII. Ban kiểm soát.....	43
Điều 59. Thành phần và nhiệm kỳ của Ban kiểm soát	43
Điều 60. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban kiểm soát.....	44
Điều 61. Nhiệm vụ, quyền hạn của Trưởng ban và các thành viên Ban kiểm soát.....	45
Điều 62. Thay thế thành viên Ban kiểm soát.....	46
Điều 63. Các cuộc họp của Ban kiểm soát	47
Mục XIV. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ ngân hàng	47
Điều 64. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ	47
Mục XV. Người lao động và công đoàn	48
Điều 65. Người lao động và công đoàn.....	48
Mục XVI. Phân chia lợi nhuận.....	48
Điều 66. Cổ tức.....	48
Mục XVII. Hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quỹ dự trữ, năm tài chính, hệ thống kế toán.....	48
Điều 67. Hệ thống kiểm soát nội bộ	48
Điều 68. Kiểm toán nội bộ	49
Điều 69. Chế độ Tài chính.....	49
Điều 70. Phân phối lợi nhuận và các quỹ	49
Điều 71. Kế toán và Thuế.....	50
Mục XVIII. Báo cáo hàng năm, trách nhiệm cung cấp thông tin, thông báo ra công chúng	50
Điều 72. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý.....	50
Điều 73. Báo cáo thường niên	51
Mục XIX. Kiểm toán ngân hàng	51
Điều 74. Kiểm toán.....	51
Mục XX. Con dấu	51
Điều 75. Dấu của Nam A Bank	51
Mục XXI. Chấm dứt hoạt động và thanh lý.....	52
Điều 76. Báo cáo và Kiểm soát Đặc biệt.....	52
Điều 77. Phá sản.....	52
Điều 78. Giải thể Nam A Bank.....	52
Điều 79. Gia hạn hoạt động	52
Điều 80. Thanh lý Nam A Bank.....	52
Mục XXII. Giải quyết tranh chấp nội bộ	53

Điều 81. Giải quyết tranh chấp nội bộ	53
Mục XXIII. Thông tin và bảo mật.....	53
Điều 82. Thông tin	53
Điều 83. Nghĩa vụ bảo mật	53
Mục XXIV. Điều khoản thi hành.....	54
Điều 84. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ.....	54
Điều 85. Hiệu lực	54